

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI**

**BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

TRÌNH ĐỘ: ĐẠI HỌC

MÃ NGÀNH: 7340101

Hà Nội, 2020

MỤC LỤC

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	3
1.1. Giới thiệu chương trình đào tạo	3
1.2. Thông tin chung	3
1.3. Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi	3
1.4. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program goals)	4
1.5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)	5
1.6. Cơ hội việc làm và học tập sau đại học	9
1.7. Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp	10
1.8. Chiến lược giảng dạy và học tập	11
1.9. Các phương pháp đánh giá (AMs)	16
1.10. Mô tả sự liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLOs), học phần, phương pháp dạy và học (TLMs) và phương pháp đánh giá (AMs)	20
II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY	38
2.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy	38
2.2. Các khối kiến thức chương trình giảng dạy	38
2.3. Danh sách học phần	41
2.4. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	48
2.5. Ma trận Chiến lược phương pháp dạy và học của các học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra	55
2.6. Ma trận phương pháp đánh giá của các học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra	61
2.7. Tiến trình giảng dạy	66
2.8. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần	67
2.9. Đối sánh CTĐT với Trường Đại học trong và ngoài nước đã tham khảo	81
III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	96

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh nhằm đào tạo Cử nhân Quản trị kinh doanh có đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khỏe tốt để có thể làm việc đạt hiệu quả ở các lĩnh vực liên quan đến hoạt động sản xuất – kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.2. Thông tin chung

Bảng 1.1. Thông tin chung về chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh

Tên chương trình đào tạo	Quản trị kinh doanh (Business administration)
Mã ngành đào tạo	7340101
Trình độ đào tạo	Đại học chính quy
Thời gian đào tạo	4 năm
Tên gọi văn bằng	Cử nhân quản trị kinh doanh
Trường cấp bằng	Trường Đại Học Lao động – Xã hội
Khoa quản lý	Quản trị kinh doanh
Số tín chỉ yêu cầu	121 tín chỉ tích lũy + Giáo dục thể chất + Giáo dục quốc phòng an ninh
Website	www.ulsa.edu.vn
Fanpage	www.Facebook.com/quantrikinhdoanhulsa/
Ban hành	Quyết định số 2264/QĐ-ĐHLDXH, ngày 17 tháng 8 năm 2020

1.3. Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi

Bảng 1.2. Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Trường Đại học Lao động - Xã hội và Khoa Quản trị kinh doanh

	Trường Đại học Lao động - Xã hội	Khoa Quản trị kinh doanh
Sứ mạng	Trường Đại học Lao động - Xã hội là cơ sở giáo dục đại học công lập duy nhất của ngành Lao Động Thương binh và Xã hội trong đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao theo định hướng ứng dụng với thế mạnh là các ngành Quản trị nhân lực, Công tác xã hội, Bảo hiểm, Kế toán và Quản trị kinh doanh; là trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, hợp tác	Thúc đẩy sự phát triển bền vững của cộng đồng thông qua việc cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, các sản phẩm đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao tri thức trong các lĩnh vực kinh tế, du lịch, quản lý và quản trị kinh doanh; đóng góp hữu hiệu vào sự phát triển và hội nhập sâu rộng của ngành

	Trường Đại học Lao động - Xã hội	Khoa Quản trị kinh doanh
	quốc tế trong lĩnh vực kinh tế - lao động - xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển của Ngành, đất nước và hội nhập quốc tế.	Lao động, thương binh xã hội và của đất nước.
Tầm nhìn	Đến năm 2030, Trường Đại học Lao động – Xã hội trở thành trường Đại học hàng đầu Việt Nam trong đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao thuộc lĩnh vực lao động - xã hội có kỹ năng thực hành nghề nghiệp thành thạo, năng động, sáng tạo trong công việc, đạo đức nghề nghiệp chuẩn mực; trở thành trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế có uy tín trong khu vực ASEAN	Khoa Quản trị kinh doanh là một trong những đơn vị hàng đầu của Trường Đại học Lao động - Xã hội cung cấp hoạt động đào tạo, nghiên cứu, tư vấn chất lượng cao trong lĩnh vực quản trị và kinh doanh. Đến năm 2030, Khoa Quản trị kinh doanh phấn đấu nằm trong danh sách 10 cơ sở đào tạo ngành quản trị kinh doanh uy tín và tốt nhất Việt Nam
Giá trị cốt lõi	• Chuyên nghiệp. • Sáng tạo • Hội nhập	• Lấy người học làm trung tâm • Đề cao tính chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo • Phát huy tinh thần trách nhiệm và cống hiến xã hội • Coi trọng văn hóa chất lượng • Thúc đẩy hợp tác, phát triển và hội nhập quốc tế

1.4. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program goals)

1.4.1. Mục tiêu tổng quát

Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh trình độ đại học nhằm đào tạo sinh viên trở thành cử nhân Quản trị kinh doanh có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức và sức khỏe tốt; có tư duy kinh tế, kinh doanh tổng hợp; có hiểu biết cả lý luận và thực tế chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có khả năng vận dụng những kiến thức về quản trị doanh nghiệp, quản lý kinh tế để triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh; tạo lập và phát triển doanh nghiệp góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

1.4.2. Mục tiêu cụ thể

PO1: Cử nhân Quản trị kinh doanh được trang bị hệ thống kiến thức cơ bản về

quản lý, kinh tế, xã hội và nhân văn; có kiến thức chuyên sâu và hiện đại về khởi sự kinh doanh và quản trị điều hành các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường; có kiến thức về công cụ và phương pháp vận dụng các nguyên lý khoa học quản trị kinh doanh trong hoạt động thực tiễn phù hợp với điều kiện môi trường cụ thể.

PO2: Kỹ năng thực hành nghề nghiệp: Nắm vững và vận dụng được các kỹ năng quản trị như kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng xử lý tình huống kinh doanh, cũng như kỹ năng thích nghi với môi trường kinh doanh mới.

PO3: Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc nhóm và khả năng hình thành, phát triển và lãnh đạo nhóm để giải quyết hiệu quả công việc.

PO4: Có đầy đủ kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy để giải quyết tốt các vấn đề trong thực tiễn.

PO5: Người học có ngoại ngữ Tiếng anh TOEIC đạt 450 và có khả năng sử dụng ngoại ngữ hiệu quả trong công việc; có kỹ năng tìm kiếm thông tin, dữ liệu và khả năng xử lý số liệu thông qua các phần mềm chuyên dụng phục vụ cho công việc chuyên môn.

PO6: Có năng lực học tập, nghiên cứu, phát triển bản thân, có tư duy hệ thống và độc lập.

PO7: Có phẩm chất chính trị, tuân thủ pháp luật và có sức khỏe tốt.

PO8: Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, tôn trọng và chấp hành pháp luật, có ý thức tổ chức kỷ luật; có tinh thần hợp tác.

1.5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

PLO1: Vận dụng kiến thức cơ bản về lý luận chính trị Triết học Mác Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, CNXH khoa học, tư tưởng HCM và Lịch sử Đảng CSVN, hiểu biết về pháp luật Việt Nam vào phân tích và giải quyết các vấn đề liên quan đến môi trường hoạt động của doanh nghiệp và ngành Quản trị kinh doanh trong thực tiễn.

PLO2: Vận dụng các kiến thức toán kinh tế, xác suất thống kê, kinh tế lượng, tin học, các nguyên lý cơ bản của kinh tế thị trường, tài chính tiền tệ và quản trị để giải thích và phân tích, phản biện các vấn đề về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

PLO3: Có kiến thức an ninh quốc phòng và kiến thức giáo dục thể chất để tự rèn luyện về thể chất.

PLO4: Hiểu và vận dụng nguyên lý chung của hoạt động quản trị kinh doanh, bao gồm những kiến thức nền tảng về tài chính, kế toán, marketing, quản trị nhân sự, Logistics, Quản trị sản xuất.

PLO5: Nắm vững kiến thức và vận dụng kiến thức để lập một kế hoạch, dự án kinh doanh. Đồng thời hiểu biết về ngành và có thể đưa ra các ý kiến tư vấn, hỗ trợ quá trình ra quyết định của người quản lý.

PLO6: Am hiểu và vận dụng trong thực tế các nguyên lý về hành vi người tiêu dùng, các nguyên lý của Quản trị, Lý thuyết về cạnh tranh, sản xuất, đầu tư và phân phối sản phẩm cũng như các kiến thức luật pháp trong kinh doanh và các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp.

PLO7: Có khả năng ứng dụng kiến thức để phản biện và xây dựng chiến lược kinh doanh, có khả năng ứng dụng kiến thức để hoạch định và tổ chức hoạt động kinh doanh. Có kiến thức và khả năng lập luận tư duy theo hệ thống và giải quyết các vấn đề Quản trị và Kinh doanh.

PLO8: Nắm vững và vận dụng được các kỹ năng quản trị như kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng xử lý tình huống kinh doanh, cũng như kỹ năng thích nghi với môi trường kinh doanh mới. Đồng thời thuần thục các kỹ năng kinh doanh như kỹ năng xây dựng và phát triển thị trường, quản lý bán hàng, tư vấn bán hàng, kỹ thuật xây dựng và phân tích quản trị dự án đầu tư.

PLO9: Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm để giải quyết hiệu quả công việc, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy để giải quyết tốt các vấn đề trong thực tiễn.

PLO10: Có kỹ năng tìm kiếm thông tin, dữ liệu và khả năng xử lý số liệu thông qua các phần mềm chuyên dụng phục vụ cho công việc chuyên môn.

PLO11: Có khả năng tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm để tiếp tục học cao hơn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

PLO12: Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, tôn trọng và chấp hành pháp luật, có ý thức tổ chức kỷ luật; có tinh thần hợp tác.

PLO13: Có ngoại ngữ Tiếng anh TOEIC đạt 450 và có khả năng sử dụng ngoại ngữ hiệu quả trong công việc.

Bảng 1.3. Mối liên hệ giữa mục tiêu chương trình và chuẩn đầu ra chương trình

Mục tiêu (POs)	Chuẩn đầu ra (PLOs)												
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
PO1	x	x	x	x	x	x							
PO2		x		x	x	x	x	x	x	x	x		x
PO3			x								x	x	
PO4						x	x	x	x				
PO5		x			x			x		x			x
PO6						x			x		x	x	x
PO7						x					x	x	
PO8					x	x	x	x			x	x	

Bảng 1.4. Đối sánh chuẩn đầu ra CTDT ngành Quản trị kinh doanh đáp ứng

Khung trình độ quốc gia và Thang trình độ năng lực

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Khung trình độ quốc gia	Thang trình độ năng lực
PLO1: Vận dụng kiến thức cơ bản về lý luận chính trị Triết học Mác Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, CNXH khoa học, tư tưởng HCM và Lịch sử Đảng CSVN, hiểu biết về pháp luật Việt Nam vào phân tích và giải quyết các vấn đề liên quan đến môi trường hoạt động của doanh nghiệp và ngành Quản trị kinh doanh trong thực tiễn.	K2	4
PLO2: Vận dụng các kiến thức toán kinh tế, xác suất thống kê, kinh tế lượng, tin học, các nguyên lý cơ bản của kinh tế thị trường, tài chính tiền tệ và quản trị để giải thích và phân tích, phản biện các vấn đề về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.	K1	3
PLO3: Có kiến thức an ninh quốc phòng và kiến thức giáo dục thể chất để tự rèn luyện về thể chất.	K2	4
PLO4: Hiểu và vận dụng nguyên lý chung của hoạt động quản trị kinh doanh, bao gồm những kiến thức nền tảng về tài chính, kế toán, marketing, quản trị nhân sự, Logistics, Quản trị sản xuất.	K1	4
PLO5: Nắm vững kiến thức và vận dụng kiến thức để lập một kế hoạch, dự án kinh doanh. Đồng thời hiểu biết về ngành và có thể đưa ra các ý kiến tư vấn, hỗ trợ quá trình ra quyết định của người quản lý.	K4	4
PLO6: Am hiểu và vận dụng trong thực tế các nguyên lý về hành vi người tiêu dùng, các nguyên lý của Quản trị, Lý thuyết về cạnh tranh, sản xuất, đầu tư và phân phối sản phẩm cũng như các kiến thức luật pháp trong kinh doanh và các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp.	K5	4
PLO7: Có khả năng ứng dụng kiến thức để phản biện và xây dựng chiến lược kinh doanh, có khả năng ứng dụng kiến thức để hoạch định và tổ chức hoạt động kinh doanh. Có kiến thức và khả năng lập luận tư duy theo hệ thống và giải quyết các vấn đề Quản trị và Kinh doanh.	K4+S3	5
PLO8: Nắm vững và vận dụng được các kỹ năng quản trị như kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng xử lý tình huống kinh doanh, cũng như kỹ năng thích nghi với môi trường kinh doanh mới. Đồng thời thuần thục các kỹ năng kinh doanh như kỹ năng xây dựng và phát triển thị trường, quản lý bán hàng, tư vấn bán hàng, kỹ thuật xây dựng và phân	S3	5

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Khung trình độ quốc gia	Thang trình độ năng lực
tích quản trị dự án đầu tư.		
PLO9: Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm để giải quyết hiệu quả công việc, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy để giải quyết tốt các vấn đề trong thực tiễn.	C1+S4	5
PLO10: Có kỹ năng tìm kiếm thông tin, dữ liệu và khả năng xử lý số liệu thông qua các phần mềm chuyên dụng phục vụ cho công việc chuyên môn.	S3	4
PLO11: Có khả năng tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm để tiếp tục học cao hơn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.	S1	4
PLO12: Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, tôn trọng và chấp hành pháp luật, có ý thức tổ chức kỷ luật; có tinh thần hợp tác.	C1	4
PLO13: Có ngoại ngữ Tiếng anh TOEIC đạt 450 và có khả năng sử dụng ngoại ngữ hiệu quả trong công việc.	S6	4

Danh mục các chuẩn đối sánh:

(1) TDNL - Trình độ năng lực chung:

Bảng 1.5. Thang trình độ năng lực chung

Thang TDNL	Khả năng hoạt động	Khả năng nhận thức
1.0	Có biết/ trải qua	
2.0	Có thể tham gia vào và đóng góp cho các hoạt động	Khả năng Nhớ
3.0	Có thể hiểu và giải thích	Khả năng Hiểu
4.0	Có khả năng thực hành / triển khai	Khả năng Áp dụng / Phân tích
5.0	Có thể dẫn dắt sáng tạo trong giải quyết vấn đề	Khả năng Tổng hợp/ Đánh giá vấn đề

(2) Khung TDQG - Khung trình độ quốc gia - bậc 6

Kiến thức (K):

- K1. Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.
- K2. Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.
- K3. Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.

K4. Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.

K5. Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.

Kỹ năng (S):

S1. Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.

S2. Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.

S3. Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.

S4. Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

S5. Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.

S6. Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm (C):

C1. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

C2. Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.

C3. Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

C4. Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

1.6. Cơ hội việc làm và học tập sau đại học

1.6.1. Cơ hội việc làm

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân Quản trị kinh doanh có thể trở thành các chuyên viên làm việc tại các phòng ban chức năng của tổ chức, đặc biệt là các doanh nghiệp hoặc thư ký cho các nhà quản lý các cấp trong bộ máy quản lý của doanh nghiệp. Tùy khả năng và điều kiện cụ thể, cử nhân Quản trị kinh doanh có thể trở thành các doanh nhân hay các giám đốc điều hành chuyên nghiệp ở tất cả các loại hình tổ chức kinh doanh trong nước và nước ngoài. Một bộ phận sinh viên tốt nghiệp có thể làm công tác giảng dạy và nghiên cứu về quản trị kinh doanh tại các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp.

1.6.2. Cơ hội học tập

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Lao động - Xã hội liên thông với các chương trình nâng cao ở bậc sau đại học của các trường Đại học ở trong nước và khu vực.

1.7. Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

1.7.1. Tiêu chí tuyển sinh

Thực hiện theo đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Lao động - Xã hội

1.7.2. Quá trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh được thiết kế theo hệ thống tín chỉ, gồm 121 tín chỉ tích lũy + Giáo dục thể chất + Giáo dục quốc phòng an ninh không tích lũy. Quá trình đào tạo tuân thủ theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo, Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ và các quy định hiện hành khác của Trường Đại học Lao động – Xã hội. Chương trình đào tạo được thiết kế với thời gian đào tạo là 4 năm, tuy nhiên sinh viên có thể rút ngắn thời gian học còn 3,5 năm hoặc kéo dài thời gian tối đa là 8 năm (trừ những trường hợp đặc biệt được quy định khác).

1.7.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

Sinh viên được Trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời kỳ bị kỷ luật ở mức đình trị học tập;
- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học đạt từ 2,00 trở lên;
- Thoả mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính; Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ theo quy định của Trường;
- Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất;
- Có đơn gửi phòng Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học.

1.7.4. Hệ thống tính điểm

Điểm học phần

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân
- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt

A+ (9,2 – 10); A (8,5 – 9,1): Giỏi

B+ (7,7 – 8,4); B (7,0 – 7,6): Khá

C+ (6,2 – 6,9); C (5,5 – 6,1): Trung bình

D+ (4,7 – 5,4); D (4,0 – 4,6): Trung bình yếu

+ Loại không đạt

F+ (2,0 – 3,9) F (dưới 2,0): Kém

Điểm trung bình

- Mức điểm chữ của mỗi học phần được quy đổi qua điểm số (thang điểm 4) như sau:

A+: 4,0 A : 3,7

B+: 3,5 B : 3,0

C+: 2,5 C : 2,0

D+: 1,5 D : 1,0

F+: 0,5 F : 0,0

- Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A: là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

a_i : là điểm học phần thứ i

n_i : là số tín chỉ của học phần thứ i

n: là tổng số học phần

1.8. Chiến lược giảng dạy và học tập

Hoạt động giảng dạy và học tập được thiết kế cho chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh nhằm đảm bảo cho người học phát triển toàn diện về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Chiến lược giảng dạy và học tập được áp dụng đa dạng nhằm giúp cho người học đạt được các chuẩn đầu ra của các ngành đào tạo. Chiến lược giảng dạy và học tập gồm 08 nhóm lớn: dạy học trực tiếp, dạy học dựa vào hoạt động, dạy kỹ năng tư duy, dạy học tương tác, dạy học theo hướng nghiên cứu – giảng dạy, dạy học dựa vào công nghệ và tự học.

1.8.1. Chiến lược dạy học trực tiếp

Chiến lược dạy học trực tiếp là chiến lược dạy học trong đó các thông tin được truyền tải đến với người học theo cách trực tiếp, giảng viên trình bày và người học lắng nghe. Chiến lược này thường được áp dụng trong các lớp học truyền thống và có hiệu quả khi muốn truyền đạt cho người học những thông tin cơ bản, giải thích một kỹ năng mới. Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được chương trình đào tạo ngành QTKD áp dụng gồm: Giải thích cụ thể, Thuyết giảng, Tham luận và Câu hỏi gợi mở. Cụ thể như sau:

- **Giải thích cụ thể (Explicit leaching):** Đây là phương pháp thuộc chiến lược dạy học trực tiếp trong đó giảng viên hướng dẫn giải thích chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp cho người học đạt được mục tiêu dạy học

về kiến thức và kỹ năng.

- **Thuyết giảng (Lecture):** Giảng viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giảng. Người học chỉ nghe giảng và ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giảng viên truyền đạt.
- **Tham luận (Guest Lecture):** Theo phương pháp này, người học tham gia vào các khóa học mà người diễn giảng, thuyết trình đến từ doanh nghiệp bên ngoài. Thông qua những trao đổi chia sẻ những kinh nghiệm, hiểu biết của diễn giảng để giúp người học hình thành kiến thức tổng quan hay cụ thể về chuyên ngành đào tạo.
- **Câu hỏi gợi mở (Inquiry):** Trong tiến trình dạy học, giảng viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề và hướng dẫn giúp người học từng bước trả lời câu hỏi. Người học có thể tham gia vào thảo luận nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra.

1.8.2. Chiến lược dạy học dựa vào hoạt động - Trải nghiệm

Chiến lược dạy học dựa vào hoạt động là chiến lược khuyến khích người học thực hiện, tạo cơ hội cho người học thực hành. Điều này thúc đẩy người học khám phá, lựa chọn, giải quyết vấn đề và tương tác với các đối tượng khác. Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được chương trình đào tạo ngành QTKD áp dụng gồm: Trò chơi; thực tập, thực tế; Thảo luận. Cụ thể:

- **Trò chơi (Game):** Trò chơi là hoạt động đầy thử thách, mô phỏng, hoặc các cuộc thi được chơi theo một bộ quy tắc rõ ràng. Trò chơi cung cấp cho người học cơ hội nâng cao kiến thức thực tế, ra quyết định và kỹ năng giao tiếp, được thiết kế để đạt được những kỳ vọng được xác định rõ ràng như làm việc nhóm, phát triển kỹ năng hoặc cải thiện giao tiếp. Quy tắc trò chơi giúp người học nhận ra rằng quyết định của họ có ảnh hưởng như thế nào đến bản thân cũng như của những người khác cùng tham gia.
- **Thực tập, thực tế (Field Trip):** Thông qua các hoạt động tham quan, đi thực tế tại công ty, doanh nghiệp... để giúp cho người học tiếp cận và hiểu được môi trường thực tế của ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp, học hỏi các công nghệ đang được áp dụng trong lĩnh vực đào tạo, hình thành kỹ năng nghề nghiệp và văn hóa làm việc trong công ty. Phương pháp này không chỉ giúp cho người học hình thành kiến thức, kỹ năng mà còn tạo cơ hội nghề nghiệp cho người học sau khi tốt nghiệp.
- **Thảo luận (Discussion):** Là phương pháp dạy học trong đó người học được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giảng viên đặt ra. Khác với các phương pháp tranh luận, trong

phương pháp thảo luận, người với cũng quan điểm mục tiêu chung tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình

1.8.3. Chiến lược dạy kỹ năng tư duy

Chiến lược dạy kỹ năng tư duy phát triển tư duy phê phán, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng phân tích và thực hành phản xạ trong cách tiếp cận học tập của người học. Những chiến lược này cũng được thiết kế để thúc đẩy tư duy và học tập sáng tạo và độc lập cho người học. Các phương pháp chiến lược này gồm: Giải quyết vấn đề; Học theo tình huống. Cụ thể:

- **Giải quyết vấn đề (Problem Solving):** Trong tiến trình dạy và học, người học làm việc với các vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Thông qua các quá trình giải pháp cho vấn đề đặt ra, người học đạt được những kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu của học phần.
- **Học theo tình huống (Case Study):** Đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy và học lấy người học làm trung tâm, giúp người học hình thành kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp. Theo phương pháp này, giảng viên liên hệ các tính huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu người học giải quyết, giúp cho người học hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như khả năng nghiên cứu.

1.8.4. Chiến lược dạy học tương tác

Chiến lược dạy học tương tác giúp cho người học trở nên năng động, có trách nhiệm và quan tâm đến người khác bằng cách thúc đẩy các tương tác nhóm tích cực và có tính hợp tác, hành vi lắng nghe, tôn trọng và trọng lượng của cả hai mặt của một lập luận hoặc của một vấn đề nào đó. Trọng tâm của việc học tương tác là dạy cho người học tương tác thành công với nhau và chuyển những kỹ năng đó thành những tương tác hiệu quả trong xã hội. Học nhóm là một phương pháp được áp dụng theo chiến lược này.

- **Học nhóm (Teamwork Learning):** Người học được tổ chức thành các nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua các báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên.

1.8.5. Chiến lược dạy học theo hướng nghiên cứu - giảng dạy

Chiến lược dạy học theo hướng nghiên cứu khuyến khích mức độ tư duy phê phán cao. Người học xác định các câu hỏi nghiên cứu, tìm các phương pháp phù hợp để giải quyết các vấn đề hoặc báo cáo các kết luận dựa trên các bằng chứng thu thập được. Chương trình đào tạo ngành QTKD sử dụng các phương pháp: Nghiên cứu độc lập; Dự án nghiên cứu; Nhóm nghiên cứu giảng dạy.

- **Nghiên cứu độc lập:** Phương pháp này phát triển khả năng của người học trong việc lập kế hoạch, tổ chức, khám phá và giao tiếp đối với chủ đề một cách độc lập dưới sự hướng dẫn của các giảng viên. Phương pháp này cũng tăng cường động lực học và tích cực tham gia học tập vì người học được phép chọn các tài liệu họ muốn trình bày. Tại Trường ĐH Lao động – Xã hội có nhiều sách, tài liệu tham khảo được cập nhật hỗ trợ hữu ích cho người học
- **Dự án nghiên cứu (Research Project):** Người học nghiên cứu một chủ đề nào đó liên quan đến môn học và viết báo cáo.
- **Nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team):** Người học được khuyến khích tham gia vào các dự án, nhóm nghiên cứu và giảng dạy của giảng viên, giúp hình thành năng lực nghiên cứu và kỹ năng sáng tạo. Từ đó, tạo tiền đề cho người học tiếp tục học tập cao hơn ở bậc sau đại học.

1.8.6. Chiến lược dạy học dựa vào công nghệ

Phương pháp kết hợp nhằm kết hợp phương pháp lên lớp truyền thống với học trực tuyến (E-learning; Zoom...). Thông qua hệ thống phần mềm quản trị đào tạo, giảng viên có thể tương tác và quản lý quá trình học tập của sinh viên. Đây là chiến lược quan trọng nhằm chuyển đổi kỹ thuật số trong quá trình đào tạo ngành QTKD.

1.8.7. Chiến lược tự học

Chiến lược tự học giúp cho người học tiếp thu kiến thức và hình thành các kỹ năng để có thể tự định hướng, chủ động trong việc học. Người học có cơ hội lựa chọn chủ đề học, khám phá và nghiên cứu sâu về một vấn đề. Từ đó, người học hình thành các kỹ năng quản lý thời gian và tự giám sát việc học. Phương pháp học theo chiến lược này được chương trình đào tạo ngành QTKD áp dụng chủ yếu là Bài tập ở nhà.

- **Bài tập ở nhà (Work Assignment):** Theo phương pháp này, người học được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với nội dung và yêu cầu do giảng viên đặt ra. Thông qua hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở nhà này, người học được tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức cũng như kỹ năng theo yêu cầu.

Các phương pháp dạy học nói trên giúp cho người học đạt được chuẩn đầu ra (PLOs), được thể hiện trong bảng 1.6 dưới đây.

Bảng 1.6. Mối liên hệ giữa Chiến lược và phương pháp dạy-học (TLMs) để đạt được Chuẩn đầu ra (PLOs)

Chiến lược và Phương pháp dạy - học		PLOs												
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I	Dạy học trực tiếp													
TLM1	Giải thích cụ thể (Explicit Teaching)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

Chiến lược và Phương pháp dạy - học		PLOs												
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
TLM2	Thuyết giảng (Lecture)	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
TLM3	Tham luận (Guest Lecture)								x					
TLM4	Câu hỏi gợi mở (Inquiry)	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
II	Dạy học dựa vào hoạt động - Trải nghiệm													
TLM5	Trò chơi (Game)													
TLM6	Thực tập. thực tế (Field Trip)		x			x	x			x		x	x	x
TLM7	Thảo luận (Discussion)	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
III	Dạy kỹ năng tu duy													
TLM8	Giải quyết vấn đề (Problem Solving)	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
TLM9	Học theo tình huống (Case Study)	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
IV	Dạy học tương tác													
TLM10	Học nhóm (Teamwork Learning)	x	x		x	x	x		x	x	x	x	x	x
V	Dạy học theo hướng nghiên cứu – giảng dạy													
TLM11	Nghiên cứu độc lập		x		x	x	x	x				x		x
TLM12	Dự án nghiên cứu (Research Project)				x									
TLM13	Nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team)							x			x			
VI	Dạy học dựa vào công nghệ													
TLM14	Học trực tuyến (E-Learning)													
VII	Tự học													

Chiến lược và Phương pháp dạy - học		PLOs												
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
TLM15	Bài tập ở nhà (Work Assignment)	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

1.9. Các phương pháp đánh giá (AMs)

Đánh giá kết quả của người học là quá trình ghi chép, lưu trữ và cung cấp thông tin về sự tiến bộ của người học trong suốt quá trình dạy học. Việc đánh giá đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, chính xác, công bằng, khách quan và phân hóa, thường xuyên liên tục định kỳ. Yêu cầu về tiêu chí đánh giá cụ thể được Nhà trường, Khoa thiết kế và công bố, làm rõ cho người học trước khi tham dự học.

Các thông tin về đánh giá được cung cấp và chia sẻ kịp thời cho các bên liên quan gồm người dạy, người dự học, phụ huynh và nhà quản lý; được tổng hợp, phân tích định kỳ. Từ đó, Nhà trường, Khoa, Bộ môn, giảng viên kịp thời có những giải pháp, điều chỉnh, cải tiến về các hoạt động dạy học, đảm bảo định hướng và đạt được mục tiêu dạy học.

Khoa đã xây dựng và áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Tùy thuộc vào chiến lược, phương pháp dạy và học và yêu cầu đáp ứng chuẩn đầu ra của từng học phần môn học để lựa chọn các phương pháp, nội dung đánh giá phù hợp, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin để đánh giá mức độ tiến bộ của người học cũng như mức độ hiệu quả đạt được của tiến trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo ngành được chia thành 02 loại chính là đánh giá theo tiến trình (On-going/Formative Assessment) và đánh giá tổng kết/định kỳ (cuối kỳ, giữa kỳ) (Summative Assessment). Các hình thức, nội dung đánh giá được quy định cụ thể trong các quy chế đào tạo tiến hành của nhà trường và quy định cụ thể trong đề cương giảng dạy của từng học phần.

1.9.1. Đánh giá theo tiến trình (On-going/Formative Assessment)

Mục đích của đánh giá tiến trình là nhằm cung cấp kịp thời các thông tin phản hồi của người dạy và người học về những tiến bộ cũng như những điểm cần khắc phục xuất hiện trong quá trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá cụ thể với loại đánh giá tiến trình được UEF, Khoa áp dụng gồm: đánh giá chuyên cần (attendance check), đánh giá bài tập (work assignment), làm việc nhóm (teamwork), thuyết trình (oral presentation).

- **Đánh giá chuyên cần (Attendance Check):**

Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên, đầy đủ các buổi học trên giảng đường, phòng thực hành, các buổi tham quan doanh nghiệp,... trong học phần cũng phản ánh thái độ học tập của người học; sự tham gia đầy đủ các giờ học theo quy

định giúp cho người học tập cần kiên thức, rèn luyện kỹ năng một cách hệ thống, liên tục và hình thành thái độ tốt và đúng đắn, chấp hành tốt nội quy, nề nếp tại cơ quan, doanh nghiệp sau khi người học tốt nghiệp. Việc đánh giá chuyên cần được thực hiện theo các rubric tùy thuộc vào tính chất học phân quy định (lý thuyết, thực hành, đo án, thực tập,...).

- **Đánh giá bài tập (Work Assignment):**

Người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc ngoài giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể thực hiện bởi một cá nhân hoặc một nhóm người học được đánh giá theo các tiêu chí cụ thể.

- **Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation):**

Trong một số học phần môn học, người học được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm trước các nhóm khác. Hoạt động không những giúp người học đạt được kiến thức chuyên ngành mà còn phát triển các kỹ năng như: kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm. Để đánh giá mức độ đạt được các kỹ năng này của người học có thể sử dụng các tiêu chí đánh giá cụ thể như rubric 4.

1.9.2. Đánh giá tổng kết, định kỳ (cuối kỳ, giữa kỳ) (Summative Assessment)

Mục tiêu của lại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm ấn định trong quá trình dạy- học gồm đánh giá cuối chương trình học, đánh giá giữa học kỳ, đánh giá cuối học kỳ.

Các phương pháp đánh giá được ULSA, Khoa sử dụng loại đánh giá này gồm: kiểm tra viết (written exam), kiểm tra trắc nghiệm (multiple choice exam), bảo vệ và thi vấn đáp (oral exam), viết báo cáo (written report), thuyết trình (oral presentation), đánh giá làm việc nhóm (teamwork assessment), thực hành (practice), báo cáo thực tập, khóa luận/chuyên đề tốt nghiệp (graduation report/Thesis).

- **Kiểm tra viết (Written Exam):**

Theo phương pháp đánh giá này, người học được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu ra về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp này là thang điểm 10. số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.

- **Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple Choice Exam):**

Phương pháp này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, người học được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án đã được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này người học trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi

ý trả lời cũng như được thiết kế trong đề thi.

- **Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam):**

Trong phương pháp đánh giá này, người học được đánh giá thông qua phong vấn, hỏi đáp trực tiếp. Các tiêu chí đánh giá này được thể hiện trong rubric 5.

- **Viết báo cáo (Written Report):**

Người học được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ hình ảnh, biểu đồ,... trong báo cáo. Tiêu chí đánh giá cụ thể theo phương pháp này theo rubric.

- **Thuyết trình (Oral Presentation):**

Phương pháp này hoàn toàn giống với phương pháp đánh giá thuyết trình trong loại đánh giá theo tiến trình theo rubric 4, Đánh giá được thực hiện theo định kỳ (giữa kỳ, cuối kỳ, hay cuối khóa).

- **Đánh giá làm việc nhóm (Teamwork Assessment):**

Đánh giá làm việc nhóm được áp dụng khi triển khai hoạt động dạy học theo nhóm và được dùng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của người học (như: tổ chức, quản lý, xây dựng nhóm làm việc hiệu quả; hoạt động nhóm; phát triển nhóm; lãnh đạo nhóm).

- **Thực hành (practice):**

Trong một số học phân môn học, người học được yêu cầu thực hành phát triển các kỹ năng thực hành nghề nghiệp.

- **Báo cáo thực tập, khóa luận tốt nghiệp (graduation report, Thesis):**

Báo cáo thực tập tốt nghiệp, chuyên đề hay khóa luận tốt nghiệp được đánh giá bởi giảng viên hướng dẫn, hội đồng đánh giá khóa luận tốt nghiệp bằng cách sử dụng các phiếu đánh giá phù hợp với ngành đào tạo.

Bảng 1.7. Mối liên hệ giữa Phương pháp đánh giá (AMs) nhằm đạt Chuẩn đầu ra (PLOs)

Phương pháp đánh giá (Assessment)		PLOs												
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I	Đánh giá theo tiến trình													
AM1	Đánh giá chuyên cần	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
AM2	Đánh giá bài tập	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
AM3	Đánh giá thuyết trình	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	
11	Đánh giá tổng kết, định kỳ													
AM4	Kiểm tra viết	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

Phương pháp đánh giá (Assessment)		PLOs												
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
AM5	Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple Choice Exam)	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
AM6	Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam)	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	
AM7	Viết báo cáo (Written Report)					x	x	x	x		x	x	x	
AM8	Đánh giá làm việc nhóm (Teamwork Assessment)	x	x		x	x	x		x	x		x	x	x
AM9	Thực hành (Practice)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
AM10	Báo cáo thực tập, khóa luận tốt nghiệp (Graduation Report. Thesis)	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	

1.10. Mô tả sự liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLOs), học phần, phương pháp dạy và học (TLMs) và phương pháp đánh giá (AMs)

Bảng 1.8. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLOs), học phần, phương pháp dạy và học (TLMs) và phương pháp đánh giá (AMs)

Chuẩn đầu ra PLOs	Mã học phần	Tên học phần	Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
PLO1: Vận dụng kiến thức cơ bản về lý luận chính trị Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, CNXH khoa học, tư tưởng HCM và Lịch sử Đảng CSVN, hiểu biết về pháp luật Việt Nam vào phân tích và giải quyết các vấn đề liên quan đến môi trường hoạt động của doanh nghiệp và ngành Quản trị kinh doanh trong thực tiễn.	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	CTYG0523H	Công ty đa quốc gia và chiến lược kinh doanh toàn cầu	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM7, AM8, AM9
	KHKD0523H	Kế hoạch kinh doanh	TLM2, TLM7, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM8 AM7
	KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp	TLM1, TLM6, TLM9, TLM11	AM10
	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	VĩMO0523H	Kinh tế vĩ mô	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM7
	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	TLM2, TLM7, TLM9, TLM10	AM1, AM4, AM5
	KTQT0522H	Luật kinh tế	TLM2, TLM7, TLM9, TLM10	AM1, AM4, AM5
	TTCK0524T	Thực tập cuối khóa	TLM1, TLM6, TLM9, TLM11	AM1, AM2, AM10
	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM6, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM7
PLO2: Vận dụng các kiến thức toán kinh tế, xác suất thống kê, kinh tế lượng, tin học, các nguyên lý cơ bản của kinh tế thị	CTYG0523H	Công ty đa quốc gia và chiến lược kinh doanh toàn cầu	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM7, AM8, AM9
	KHKD0523H	Kế hoạch kinh doanh	TLM2, TLM7, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM8 AM7
	KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp	TLM1, TLM6, TLM9, TLM11	AM10
	KTLU1122H	Kinh tế lượng	TLM1, TLM3, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM9

Chuẩn đầu ra PLOs	Mã học phần	Tên học phần	Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
trường, tài chính tiền tệ và quản trị để giải thích và phân tích, phân biệt các vấn đề về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.	KTPT0522H	Kinh tế phát triển	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4/AM5
	KTQT0522H	Kinh tế quốc tế	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8, AM9.
	VĩMO0523H	Kinh tế vĩ mô	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	LOGI0722L	Logic học	TLM1, TLM2, TLM5	AM1, AM2, AM4
	LTTC0523H	Lý thuyết tổ chức	TLM2, TLM7, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8.
	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM8
	MARC0522H	Marketing căn bản	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8, AM9
	PMQK0523T	Phần mềm quản trị kinh doanh	TLM1, TLM3, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10	AM1, AM2, AM8, AM9
	NCKH0722L	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	TLM2, TLM4, TLM7, TLM10, TLM12, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	QTHO0522H	Quản trị học	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM8, AM9
	TCTT0122H	Tài chính - Tiền tệ	TLM1, TLM2, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	TTCK0524T	Thực tập cuối khóa	TLM1, TLM6, TLM9, TLM11	AM1, AM2, AM10
	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15,	AM1, AM2,, AM9
	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15,	AM1, AM2,, AM9
	TCC11122L	Toán cao cấp 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM8
	TCC21122L	Toán cao cấp 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM8
	VHDN0522H	Văn hóa doanh nghiệp	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8.
PLO3: Có kiến thức an ninh quốc phòng và kiến thức giáo dục thể chất để tự	TDĐK1421T	Thể dục điền kinh	TLM1, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM9
	BOC11421T	Bóng chuyền 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM9
	BOC21421T	Bóng chuyền 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM7, TLM8, TLM9,	AM1, AM2, AM9

Chuẩn đầu ra PLOs	Mã học phần	Tên học phần	Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
rèn luyện về thể chất.			TLM10, TLM15	
	BOR11421T	Bóng rổ 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM9
	BOR21421T	Bóng rổ 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM9
	CLOL11421T	Cầu lông 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM9
	CLO21421T	Cầu lông 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM9
	COV11421L	Cờ vua 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM6
	COV21421L	Cờ vua 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM6
	COV31421L	Cờ vua 3	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM6
	ĐLQP1423L	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7	AM1, AM5
	CTQP1422L	Công tác quốc phòng an ninh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7	AM1, AM5
	QSUC1421L	Quân sự chung	TLM1, TLM2, TLM6, TLM9, TLM10	AM1, AM9
	KTCĐ1422T	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	TLM1, TLM2, TLM6, TLM7, TLM8, TLM10	AM1, AM5
PLO4: Hiểu và vận dụng nguyên lý chung của hoạt động quản trị kinh doanh, bao gồm những kiến thức nền tảng về tài chính, kế toán,	CTYG0523H	Công ty đa quốc gia và chiến lược kinh doanh toàn cầu	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM7, AM8, AM9
	KHKD0523H	Kế hoạch kinh doanh	TLM2, TLM7, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM8 AM7
	KTQT0123H	Kế toán quản trị	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp	TLM1, TLM6, TLM9, TLM11	AM10
	KSKD0523H	Khởi sự kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM8, AM9
	KTQT0522H	Kinh tế quốc tế	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8, AM9.

Chuẩn đầu ra PLOs	Mã học phần	Tên học phần	Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
marketing, quản trị nhân sự, Logistics, Quản trị sản xuất.	KNLĐ0522H	Kỹ năng lãnh đạo và ra quyết định kinh doanh	TM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10 TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KNPV0522H	Kỹ năng ứng xử và phòng vấn việc làm	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5, AM8, AM9.
	LOGI0722L	Logic học	TLM1, TLM2, TLM5	AM1, AM2, AM4
	LGYS0522H	Logistics	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8, AM9.
	LTTC0523H	Lý thuyết tổ chức	TLM2, TLM7, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8.
	MARC0522H	Marketing căn bản	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8, AM9
	NVKD0522H	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8, AM9
	NLK10122H	Nguyên lý kế toán 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4/AM5
	NLTK1322H	Nguyên lý thống kê	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4
	PMQK0523T	Phần mềm quản trị kinh doanh	TLM1, TLM3, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10	AM1, AM2, AM8, AM9
	NCKH0722L	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	TLM2, TLM4, TLM7, TLM10, TLM12, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	QTCL0523H	Quản trị chiến lược	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8, AM9
	QTCU0523H	Quản trị chuỗi cung ứng	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	QTDA0522H	Quản trị dự án	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM8
	QTHO0522H	Quản trị học	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM8, AM9
	QMAR0523H	Quản trị marketing	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM8
	QMAR0523H	Quản trị marketing	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM8
	QTNL0223H	Quản trị nhân lực	TLM1, TLM2, TLM4, TLM10, TLM14	AM1, AM2, AM4
	RRKD0522H	Quản trị rủi ro kinh doanh	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4,

Chuẩn đầu ra PLOs	Mã học phần	Tên học phần	Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
				AM5,AM8, AM9
	QTSX0523H	Quản trị sản xuất	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10 TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM4/AM5, AM8, AM9
	QTTĐ0522H	Quản trị sự thay đổi	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	TCDN0123H	Quản trị tài chính doanh nghiệp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	QTTT0522H	Quản trị truyền thông	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	TCTT0122H	Tài chính - Tiền tệ	TLM1, TLM2, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	TTCK0122H	Thị trường chứng khoán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	TTCK0524T	Thực tập cuối khóa	TLM6, TLM9, TLM11	AM1, AM2, AM7
	TMDT0522H	Thương mại điện tử	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM8, AM9.
	TDTT0122H	Tín dụng và thanh toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM6
	VHDN0522H	Văn hóa doanh nghiệp	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10,TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8.
PLO5: Nắm vững kiến thức và vận dụng kiến thức để lập một kế hoạch, dự án kinh doanh. Đồng thời hiểu biết về ngành và có thể đưa ra các ý kiến tư vấn, hỗ trợ quá trình ra quyết định của người quản lý.	CTYG0523H	Công ty đa quốc gia và chiến lược kinh doanh toàn cầu	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8,TLM9,TLM10, TLM15	AM1, AM2,AM3, AM5, AM7,AM8,AM9
	KHKD0523H	Kế hoạch kinh doanh	TLM2, TLM7, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM8 AM7
	KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp	TLM1, TM6, TLM9, TLM11	AM10
	KSKD0523H	Khởi sự kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8. TLM9 TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM8, AM9
	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	KTQT0522H	Kinh tế quốc tế	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2,AM3, AM4, AM5,AM8, AM9.
	VĩMO0523H	Kinh tế vĩ mô	TLM1, TLM2,TLM4, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2,AM3, AM4, AM5, AM8
	KNĐP0522H	Kỹ năng giao tiếp và đàm phán kinh doanh	TM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9,TLM10 TLM15	AM1, AM2, AM3,AM4/AM5, AM8,AM9

Chuẩn đầu ra PLOs	Mã học phần	Tên học phần	Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	KNLV0522H	Kỹ năng làm việc và quản trị nhóm trong kinh doanh	TM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM8
	KNLD0522H	Kỹ năng lãnh đạo và ra quyết định kinh doanh	TM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	LGYS0522H	Logistics	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8, AM9.
	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM8
	NVKD0522H	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8, AM9
	NLTK1322H	Nguyên lý thống kê	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4
	PMQK0523T	Phần mềm quản trị kinh doanh	TLM1, TLM3, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10	AM1, AM2, AM8, AM9
	QTCL0523H	Quản trị chiến lược	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8, AM9
	QTCU0523H	Quản trị chuỗi cung ứng	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	QTDA0522H	Quản trị dự án	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM8
	QTHO0522H	Quản trị học	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM8, AM9
	QTNL0223H	Quản trị nhân lực	TLM1, TLM2, TLM4, TLM10, TLM14	AM1, AM2, AM4
	RRKD0522H	Quản trị rủi ro kinh doanh	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8, AM9
	QTSX0523H	Quản trị sản xuất	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4/AM5, AM8, AM9
	QTTĐ0522H	Quản trị sự thay đổi	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	QTTT0522H	Quản trị truyền thông	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM7, AM5, AM8
	TTCK0524T	Thực tập cuối khóa	TLM1, TLM6, TLM9, TLM11	AM1, AM2, AM10
	TMĐT0522H	Thương mại điện tử	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM8

Chuẩn đầu ra PLOs	Mã học phần	Tên học phần	Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	TDDT0122H	Tín dụng và thanh toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM6
	TCC11122L	Toán cao cấp 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM8
	TCC21122L	Toán cao cấp 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM8
	VHDN0522H	Văn hóa doanh nghiệp	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8.
PLO6: Am hiểu và vận dụng trong thực tế các nguyên lý về hành vi người tiêu dùng, các nguyên lý của Quản trị, Lý thuyết về cạnh tranh, sản xuất, đầu tư và phân phối sản phẩm cũng như các kiến thức luật pháp trong kinh doanh và các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp.	CTYG0523H	Công ty đa quốc gia và chiến lược kinh doanh toàn cầu	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM7, AM8, AM9
	KHKD0523H	Kế hoạch kinh doanh	TLM2, TLM7, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM8 AM7
	KTQT0123H	Kế toán quản trị	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp	TLM1, TM6, TLM9, TLM11	AM10
	KSKD0523H	Khởi sự kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM8, AM9
	KTLU1122H	Kinh tế lượng	TLM1, TLM3, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM9
	KTPT0522H	Kinh tế phát triển	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4/AM5
	KTQT0522H	Kinh tế quốc tế	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8, AM9.
	ViMO0523H	Kinh tế vi mô	TLM1, TLM2, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4/AM5
	ViMO0523H	Kinh tế vĩ mô	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KNĐP0522H	Kỹ năng giao tiếp và đàm phán kinh doanh	TM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4/AM5, AM8, AM9
	LGYS0522H	Logistics	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8, AM9.
	LTTC0523H	Lý thuyết tổ chức	TLM2, TLM7, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8.
	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM8
	PMQK0523T	Phần mềm quản trị kinh doanh	TLM1, TLM3, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10	AM1, AM2, AM8, AM9
	SPSS1322T	Phân tích và xử lý dữ liệu với	TLM1, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM9

Chuẩn đầu ra PLOs	Mã học phần	Tên học phần	Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
		SPSS		
	QTCL0522H	Quản trị chất lượng	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5, AM8, AM9.
	QTCL0523H	Quản trị chiến lược	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8, AM9
	QTCU0523H	Quản trị chuỗi cung ứng	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	QTDA0522H	Quản trị dự án	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM8
	QMAR0523H	Quản trị marketing	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM8
	QTNL0223H	Quản trị nhân lực	TLM1, TLM2, TLM4, TLM10, TLM14	AM1, AM2, AM4
	QTTĐ0522H	Quản trị sự thay đổi	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	TCDN0123H	Quản trị tài chính doanh nghiệp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	QTTT0522H	Quản trị truyền thông	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM7, AM5, AM8
	TTCK0524T	Thực tập cuối khóa	TLM6, TLM9, TLM11	AM1, AM2, AM7
	TMĐT0522H	Thương mại điện tử	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM8
	TCC11122L	Toán cao cấp 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM8
	TCC21122L	Toán cao cấp 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM8
	VHDN0522H	Văn hóa doanh nghiệp	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8.
PLO7: Có khả năng ứng dụng kiến thức để phân biệt và xây dựng chiến lược kinh doanh, có khả	CTYG0523H	Công ty đa quốc gia và chiến lược kinh doanh toàn cầu	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM7, AM8, AM9
	KHKD0523H	Kế hoạch kinh doanh	TLM2, TLM7, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM8 AM7
	KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp	TLM1, TLM6, TLM9, TLM11	AM10
	KSKD0523H	Khởi sự kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM8, AM9

Chuẩn đầu ra PLOs	Mã học phần	Tên học phần	Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
năng ứng dụng kiến thức để hoạch định và tổ chức hoạt động kinh doanh. Có kiến thức và khả năng lập luận tư duy theo hệ thống và giải quyết các vấn đề Quản trị và Kinh doanh.	KTLU1122H	Kinh tế lượng	TLM1, TLM3, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM9
	KTQT0522H	Kinh tế quốc tế	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8, AM9.
	KNĐP0522H	Kỹ năng giao tiếp và đàm phán kinh doanh	TM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4/AM5, AM8, AM9
	KNLĐ0522H	Kỹ năng lãnh đạo và ra quyết định kinh doanh	TM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	LGYS0522H	Logistics	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8, AM9.
	LTTC0523H	Lý thuyết tổ chức	TLM2, TLM7, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8.
	NVKD0522H	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8, AM9
	QTCL0522H	Quản trị chất lượng	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5, AM8, AM9.
	QTCL0523H	Quản trị chiến lược	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8, AM9
	QTCU0523H	Quản trị chuỗi cung ứng	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	QTDA0522H	Quản trị dự án	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM8
	QMAR0523H	Quản trị marketing	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM8
	QTSX0523H	Quản trị sản xuất	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4/AM5, AM8, AM9
	QTTĐ0522H	Quản trị sự thay đổi	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	TCDN0123H	Quản trị tài chính doanh nghiệp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	QTTT0522H	Quản trị truyền thông	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8

Chuẩn đầu ra PLOs	Mã học phần	Tên học phần	Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
PLO8: Nắm vững và vận dụng được các kỹ năng quản trị như kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng xử lý tình huống kinh doanh, cũng như kỹ năng thích nghi với môi trường kinh doanh mới. Đồng thời thuần thục các kỹ năng kinh doanh như kỹ năng xây dựng và phát triển thị trường, quản lý bán hàng, tư vấn bán hàng, kỹ thuật xây dựng và phân tích quản trị dự án đầu tư.	TTCK0122H	Thị trường chứng khoán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	TTCK0524T	Thực tập cuối khóa	TLM1, TLM6, TLM9, TLM11	AM1, AM2, AM10
	CTYG0523H	Công ty đa quốc gia và chiến lược kinh doanh toàn cầu	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3 AM4, AM5, AM7, AM8, AM9
	KHKD0523H	Kế hoạch kinh doanh	TLM2, TLM7, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM8 AM7
	KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp	TLM1, TLM6, TLM9, TLM11	AM10
	KSKD0523H	Khởi sự kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM8, AM9
	KTLU1122H	Kinh tế lượng	TLM1, TLM3, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM9
	VĩMO0523H	Kinh tế vĩ mô	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KNĐP0522H	Kỹ năng giao tiếp và đàm phán kinh doanh	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8, AM9
	KNLV0522H	Kỹ năng làm việc và quản trị nhóm trong kinh doanh	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM8
	KNLĐ0522H	Kỹ năng lãnh đạo và ra quyết định kinh doanh	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KNPV0522H	Kỹ năng ứng xử và phòng vấn việc làm	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM8.
	LGYS0522H	Logistics	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8, AM9.
	LTTC0523H	Lý thuyết tổ chức	TLM2, TLM7, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8.
	NVKD0522H	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8, AM9
	QTCL0523H	Quản trị chiến lược	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8, AM9
	QTCU0523H	Quản trị chuỗi cung ứng	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	QTDA0522H	Quản trị dự án	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5,

Chuẩn đầu ra PLOs	Mã học phần	Tên học phần	Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
				AM8
	QTHO0522H	Quản trị học	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM8, AM9
	QMAR0523H	Quản trị marketing	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM8
	QTNL0223H	Quản trị nhân lực	TLM1, TLM2, TLM4, TLM10, TLM14	AM1, AM2, AM4
	RRKD0522H	Quản trị rủi ro kinh doanh	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8, AM9
	QTSX0523H	Quản trị sản xuất	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4/AM5, AM8, AM9
	QTTĐ0522H	Quản trị sự thay đổi	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15,	AM1, AM2, AM4
	TCTT0122H	Tài chính - Tiền tệ	TLM1, TLM2, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	TTCK0524T	Thực tập cuối khóa	TLM1, TLM6, TLM9, TLM11	AM1, AM2, AM10
	TMĐT0522H	Thương mại điện tử	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM8
	TDTT0122H	Tín dụng và thanh toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM6
	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15,	AM1, AM2,, AM9
	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15,	AM1, AM2,, AM9
	VHDN0522H	Văn hóa doanh nghiệp	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8.
PLO9: Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm để giải quyết hiệu quả	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TLM1, TLM2, TLM3, TLM4, TLM7, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	CTYG0523H	Công ty đa quốc gia và chiến lược kinh doanh toàn cầu	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3 AM4, AM5, AM7, AM8, AM9
	KHKD0523H	Kế hoạch kinh doanh	TLM2, TLM7, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8 AM7
	KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp	TLM1, TM6, TLM9, TLM11	AM10

Chuẩn đầu ra PLOs	Mã học phần	Tên học phần	Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
công việc, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy để giải quyết tốt các vấn đề trong thực tiễn.	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	VĩMO0523H	Kinh tế vĩ mô	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KNĐP0522H	Kỹ năng giao tiếp và đàm phán kinh doanh	TM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4/AM5, AM8, AM9
	KNLV0522H	Kỹ năng làm việc và quản trị nhóm trong kinh doanh	TM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM8
	KNLĐ0522H	Kỹ năng lãnh đạo và ra quyết định kinh doanh	TM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM7
	KTQT0522H	Luật kinh tế	TLM2, TLM7, TLM9, TLM10	AM1, AM4, AM5
	LTTC0523H	Lý thuyết tổ chức	TLM2, TLM7, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8.
	MARC0522H	Marketing căn bản	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8, AM9
	NVKD0522H	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8, AM9
	PMQK0523T	Phần mềm quản trị kinh doanh	TLM1, TLM3, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10	AM1, AM2, AM8, AM9
	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	TLM2, TLM7, TLM9, TLM10	AM1, AM4, AM5
	QTCU0523H	Quản trị chuỗi cung ứng	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	QTDA0522H	Quản trị dự án	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM8
	QTHO0522H	Quản trị học	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM8, AM9
	QTTĐ0522H	Quản trị sự thay đổi	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15,	AM1, AM2, AM4
	TTCK0524T	Thực tập cuối khóa	TLM1, TLM6, TLM9, TLM11	AM1, AM2, AM10

Chuẩn đầu ra PLOs	Mã học phần	Tên học phần	Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	VHDN0522H	Văn hóa doanh nghiệp	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8.
PLO10: Có kỹ năng tìm kiếm thông tin, dữ liệu và khả năng xử lý số liệu thông qua các phần mềm chuyên dụng phục vụ cho công việc chuyên môn.	KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp	TLM1, TM6, TLM9, TLM11	AM10
	KSKD0523H	Khởi sự kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM8, AM9
	VĩMO0523H	Kinh tế vĩ mô	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KNLĐ0522H	Kỹ năng lãnh đạo và ra quyết định kinh doanh	TM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	LGYS0522H	Logistics	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8, AM9.
	LTTC0523H	Lý thuyết tổ chức	TLM2, TLM7, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8.
	NVKD0522H	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8, AM9
	PMQK0523T	Phần mềm quản trị kinh doanh	TLM1, TLM3, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10	AM1, AM2, AM8, AM9
	QTCL0522H	Quản trị chất lượng	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5, AM8, AM9.
	QTCL0523H	Quản trị chiến lược	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8, AM9
	QTCU0523H	Quản trị chuỗi cung ứng	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	QTDA0522H	Quản trị dự án	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM8
	QMAR0523H	Quản trị marketing	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM8
	QTNL0223H	Quản trị nhân lực	TLM1, TLM2, TLM4, TLM10, TLM14	AM1, AM2, AM4
	QTSX0523H	Quản trị sản xuất	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4/AM5, AM8, AM9
	QTTĐ0522H	Quản trị sự thay đổi	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4,

Chuẩn đầu ra PLOs	Mã học phần	Tên học phần	Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
				AM5, AM8
	QTTT0522H	Quản trị truyền thông	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15,	AM1, AM2, AM4
	TTCK0524T	Thực tập cuối khóa	TLM1, TLM6, TLM9, TLM11	AM1, AM2, AM10
	TMĐT0522H	Thương mại điện tử	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM8
	TDTT0122H	Tín dụng và thanh toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM6
	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15,	AM1, AM2,, AM9
	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15,	AM1, AM2,, AM9
	VHDN0522H	Văn hóa doanh nghiệp	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8.
PLO11: Có khả năng tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm để tiếp tục học cao hơn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.	CTYG0523H	Công ty đa quốc gia và chiến lược kinh doanh toàn cầu	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3 AM4, AM5, AM7, AM8, AM9
	KHKD0523H	Kế hoạch kinh doanh	TLM2, TLM7, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM8 AM7
	KTQT0123H	Kế toán quản trị	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp	TLM1, TLM6, TLM9, TLM11	AM10
	KSKD0523H	Khởi sự kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM8, AM9
	KTLU1122H	Kinh tế lượng	TLM1, TLM3, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM9
	KTPT0522H	Kinh tế phát triển	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4/AM5
	ViMO0523H	Kinh tế vi mô	TLM1, TLM2, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4/AM5
	ViMO0523H	Kinh tế vĩ mô	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KNĐP0522H	Kỹ năng giao tiếp và đàm phán kinh doanh	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4/AM5, AM8, AM9
	KNLV0522H	Kỹ năng làm việc và quản trị nhóm trong kinh doanh	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM8

Chuẩn đầu ra PLOs	Mã học phần	Tên học phần	Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	KNLĐ0522H	Kỹ năng lãnh đạo và ra quyết định kinh doanh	TM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10 TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	KNPV0522H	Kỹ năng ứng xử và phòng vấn việc làm	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM8.
	LGYS0522H	Logistics	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8, AM9.
	LTTC0523H	Lý thuyết tổ chức	TLM2, TLM7, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8.
	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM8
	NVKD0522H	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8, AM9
	PMQK0523T	Phần mềm quản trị kinh doanh	TLM1, TLM3, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10	AM1, AM2, AM8, AM9
	SPSS1322T	Phân tích và xử lý dữ liệu với SPSS	TLM1, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM9
	QTCL0522H	Quản trị chất lượng	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5, AM8, AM9.
	QTCL0523H	Quản trị chiến lược	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8, AM9
	QTCU0523H	Quản trị chuỗi cung ứng	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	QTDA0522H	Quản trị dự án	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM8
	QTHO0522H	Quản trị học	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM8, AM9
	QMAR0523H	Quản trị marketing	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM8
	RRKD0522H	Quản trị rủi ro kinh doanh	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8, AM9
	QTSX0523H	Quản trị sản xuất	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4/AM5, AM8, AM9
	QTTĐ0522H	Quản trị sự thay đổi	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4,

Chuẩn đầu ra PLOs	Mã học phần	Tên học phần	Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
				AM5, AM8
	TCDN0123H	Quản trị tài chính doanh nghiệp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	QTTT0522H	Quản trị truyền thông	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	TOEI0622H	Thực hành TOEIC	TLM1, TLM8, TLM9, TLM10	AM1, AM5
	TTCK0524T	Thực tập cuối khóa	TLM1, TLM6, TLM9, TLM11	AM1, AM2, AM10
	TMĐT0522H	Thương mại điện tử	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM8
	TAKD0622H	Tiếng Anh chuyên ngành QTKD	TLM1, TLM8, TLM9, TLM10	AM1, AM4
	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	TLM1, TLM8, TLM9, TLM10	AM1, AM5
	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	TLM1, TLM8, TLM9, TLM10	AM1, AM5
	TDTT0122H	Tín dụng và thanh toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM6
	TCC11122L	Toán cao cấp 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM8
	TCC21122L	Toán cao cấp 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM8
PLO12: Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, tôn trọng và chấp hành pháp luật, có ý thức tổ chức kỷ luật; có tinh thần hợp tác.	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TLM1, TLM2, TLM3, TLM4, TLM7, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	CTYG0523H	Công ty đa quốc gia và chiến lược kinh doanh toàn cầu	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM7, AM8, AM9
	KHKD0523H	Kế hoạch kinh doanh	TLM2, TLM7, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM8, AM7
	KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp	TLM1, TLM6, TLM9, TLM11	AM10
	KSKD0523H	Khởi sự kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM8, AM9
	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	KTPT0522H	Kinh tế phát triển	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4/AM5
	KTQT0522H	Kinh tế quốc tế	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8, AM9
	KNPV0522H	Kỹ năng ứng xử và phỏng vấn	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5,

Chuẩn đầu ra PLOs	Mã học phần	Tên học phần	Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
		việc làm		AM8.
	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM7
	LGYS0522H	Logistics	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8, AM9.
	KTQT0522H	Luật kinh tế	TLM2, TLM7, TLM9, TLM10	AM1, AM4, AM5
	LTTTC0523H	Lý thuyết tổ chức	TLM2, TLM7, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8.
	NLK10122H	Nguyên lý kế toán 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4/AM5
	NLTK1322H	Nguyên lý thống kê	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4
	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	TLM2, TLM7, TLM9, TLM10	AM1, AM4, AM5
	QTCU0523H	Quản trị chuỗi cung ứng	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	QTHO0522H	Quản trị học	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM8, AM9
	QTTĐ0522H	Quản trị sự thay đổi	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	TCTT0122H	Tài chính - Tiền tệ	TLM1, TLM2, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	TTCK0524T	Thực tập cuối khóa	TLM1, TLM6, TLM9, TLM11	AM1, AM2, AM10
	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM6, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM7
	VHDN0522H	Văn hóa doanh nghiệp	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8.
PLO13: Người học tốt nghiệp có trình độ Tiếng Anh đạt TOEIC 450 điểm hoặc tương đương. Có	CTYG0523H	Công ty đa quốc gia và chiến lược kinh doanh toàn cầu	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM7, AM8, AM9
	KHKD0523H	Kế hoạch kinh doanh	TLM2, TLM7, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM8, AM7
	KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp	TLM1, TLM6, TLM9, TLM11	AM10
	TOEI0622H	Thực hành TOEIC	TLM1, TLM8, TLM9, TLM10	AM1, AM5
	TTCK0524T	Thực tập cuối khóa	TLM1, TLM6, TLM9, TLM11	AM1, AM2, AM10

Chuẩn đầu ra PLOs	Mã học phần	Tên học phần	Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
khả năng sử dụng hiệu quả tiếng anh trong giao tiếp và nghiên cứu tài liệu để phục vụ cho công việc chuyên môn.	TAKD0622H	Tiếng Anh chuyên ngành QTKD	TLM1, TLM8, TLM9, TLM10	AM1, AM4
	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	TLM1, TLM8, TLM9, TLM10	AM1, AM5
	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	TLM1, TLM8, TLM9, TLM10	AM1, AM5

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY

2.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy

Kiến thức toàn khóa học: 121 tín chỉ tích lũy + Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) không tích lũy + Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy. Trong đó:

Bảng 2.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy ngành Quản trị kinh doanh

Khối kiến thức và lập luận về ngành		Số tín chỉ	Tỷ lệ %
1.1	Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành	25	20,66
1.2	Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi	23	19,00
1.3	Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ	33	27,27
1.4	Kiến thức nền tảng rộng	26	21,49
1.4.1	Khoa học tự nhiên	7	5,79
1.4.2	Khoa học chính trị	11	9,09
1.4.3	Pháp luật	2	1,65
1.4.4	Tin học	6	4,96
1.5	Kiến thức khác ngành	5	4,14
1.6	Kiến thức đại cương khác	9	7,44
1.6.1	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	9	7,44
1.6.2	Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) không tích lũy		
1.6.3	Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy		
Tổng cộng:		121	100%

2.2. Các khối kiến thức chương trình giảng dạy

2.2.1. Khối kiến thức cơ bản, nền tảng ngành (25 tín chỉ)

Khối kiến thức này nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản như sau:

- Hệ thống các kiến thức tổng quát về kinh tế học Vĩ mô, kinh tế học Vi mô, lý thuyết tài chính tiền tệ.
- Hệ thống các kiến thức cơ bản về quản trị học, marketing, lý thuyết tổ chức cũng như pháp luật đại cương.
- Hệ thống kiến thức, vai trò, nguyên tắc cơ bản được áp dụng về nguyên lý kế toán và thống kê.

2.2.2. Khối kiến thức cơ sở ngành cốt lõi (23 tín chỉ)

Khối kiến thức này nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản như sau:

- Kiến thức nền tảng và hiện đại về quản trị chiến lược, quản trị sản xuất.
- Kiến thức nền tảng và hiện đại về quản trị marketing
- Kiến thức nền tảng và hiện đại về Quản trị chuỗi cung ứng
- Kiến thức nền tảng và hiện đại về Quản trị nhân lực
- Kiến thức nền tảng và hiện đại về Quản trị tài chính và kế toán quản trị

- Kiến thức nền tảng và hiện đại về Khởi sự kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp

2.2.3. Khối kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ (33 tín chỉ)

Khối kiến thức này nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản như sau:

- Kiến thức chuyên sâu và công cụ: Logistics, Phần mềm quản trị kinh doanh, quản trị rủi ro kinh doanh, Kỹ năng ứng xử và phỏng vấn việc làm.
- Kiến thức chuyên sâu về quản trị kinh doanh: Quản trị truyền thông, quản trị dự án, Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu, tín dụng và thanh toán, Kỹ năng giao tiếp và đàm phán kinh doanh.
- Kiến thức chuyên sâu về quản trị doanh nghiệp: Quản trị chất lượng, Kỹ năng lãnh đạo và ra quyết định kinh doanh, Kỹ năng làm việc và quản trị nhóm trong kinh doanh.
- Ứng dụng các kiến thức vào học phần thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên.

2.2.4. Kiến thức nền tảng rộng (26 tín chỉ)

Khối kiến thức này nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản như sau:

- Tư duy toán học, có thể vận dụng các mô hình toán học thông dụng của xác suất – thống kê, toán cao cấp để đo lường, đánh giá, phân tích các đại lượng kinh tế.
- Kiến thức hệ thống triết học, kinh tế chính trị, chủ nghĩa xã hội khoa học, những kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về tư tưởng Hồ Chí Minh, lịch sử, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Có thể vận dụng các nguyên lý cơ bản, tư tưởng và đường lối để giải thích các hiện tượng, quá trình kinh tế - xã hội.
- Chính sách, pháp luật của nhà nước trong lĩnh vực kinh tế nói chung và trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và môi trường kinh doanh nói riêng.
- Các công cụ xử lý, lưu trữ thông tin thông dụng trên máy tính, các ứng dụng tin học văn phòng để giải quyết công việc hàng ngày.
- Kiến thức, kỹ thuật để thiết kế và phát triển dự án kinh doanh. Qua đó hình thành và phát triển các kỹ năng nghề nghiệp: Soạn thảo văn bản, thuyết trình, làm việc nhóm, lập kế hoạch, phát hiện và giải quyết vấn đề.

2.2.5. Kiến thức ngành gần, khác ngành (5 tín chỉ)

- Ứng dụng kiến thức nền tảng và hiện đại về kế toán quản trị nhằm cung cấp cơ hội nghề nghiệp rộng hơn cho người học cũng như phục vụ cho việc tiếp

cận thêm lĩnh vực kế toán trong quá trình tổ chức kinh doanh và quản trị.

- Nắm vững kiến thức về tâm lý học để làm nền tảng cho việc ứng dụng vào hoạt động quản trị và kinh doanh.

2.2.6. Kiến thức đại cương khác (9 tín chỉ):

- Kiến thức và kỹ năng ngoại ngữ.
- Kiến thức khoa học cơ bản trong thể dục thể thao và quá trình tự rèn luyện phát triển thể chất.
- Nội dung cơ bản về công tác quốc phòng – an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới

Bảng 2.2. Ma trận liên hệ giữa các khối kiến thức và Chuẩn đầu ra (PLOs)

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ		Chuẩn đầu ra (PLOs)												
		SL	%	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành	25	20,66		H		M						M			
2	Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi	23	19,00			M	M	L	L	M	M	M	H			H
3	Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ	33	27,27	M	M		H	H	H	H	M	H	H	M	M	
4	Kiến thức nền tảng rộng	26	21,49	H	H		H	M	M					H	H	
5	Kiến thức khác ngành	5	4,14		M				H	M	M					
6	Kiến thức đại cương khác	9	7,44			H						M	M	M		H

Chú thích: H - Cao, M - Trung bình, L - Thấp

2.3. Danh sách học phần

Bảng 2.3. Danh sách các học phần trong chương trình giảng dạy ngành Quản trị kinh doanh

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP Trước	Mã HP song hành
				(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.1 Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành				25						
1.1.1	Các học phần bắt buộc			23						
1.1.1.1	ViMO0523H	Kinh tế vi mô	Microeconomics	3	3					
1.1.1.2	VĩMO0523H	Kinh tế vĩ mô	Macroeconomics	3	3					
1.1.1.3	NLTK1322H	Nguyên lý thống kê	Statistics Theory	2	2				TCC11122L, TCC21122L	
1.1.1.4	LKTE1022H	Luật kinh tế	Economic law	2	2					
1.1.1.5	MARC0522H	Marketing căn bản	Marketing principles	2	2					
1.1.1.6	NLK10122H	Nguyên lý kế toán 1	Accounting principles 1	2	2					
1.1.1.7	QTHO0522H	Quản trị học	Administration Theory	2	2					
1.1.1.8	TCTT0122H	Tài chính - Tiền tệ	Money and Finance	2	2					
1.1.1.9	LTTC0523H	Lý thuyết tổ chức	Organizational Theory	3	3					
1.1.1.10	KTQT0522H	Kinh tế quốc tế	International economic	2	2					
1.1.2	Các học phần tự chọn (chọn 1/3)			2						
1.1.2.1	KTLU1122H	Kinh tế lượng	Econometrics	2	2					
1.1.2.2	VHDN0522H	Văn hóa doanh nghiệp	Corporate Culture		2					
1.1.2.3	KTPT0522H	Kinh tế phát triển	Development economics		2					

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP Trước	Mã HP song hành
				(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.2 Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi				26						
1.2.1	Các học phần bắt buộc			24						
1.2.1.1	QTCL0523H	Quản trị chiến lược	Strategic Management	3	3					
1.2.1.2	QMAR0523H	Quản trị marketing	Marketing management	3	3					
1.2.1.3	QTSX0523H	Quản trị sản xuất	Production Management	3	3					
1.2.1.4	QTCU0523H	Quản trị chuỗi cung ứng	Supply Chain Management	3	3					
1.2.1.5	QTNL0223H	Quản trị nhân lực	Human Resource Management	3	3					
1.2.1.6	TCDN0123H	Quản trị tài chính doanh nghiệp	Corporate Finance Management	3	3					
1.2.1.8	KSKD0523H	Khởi sự kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp	Startup and business establishment	3	3					
1.2.2	Các học phần tự chọn (chọn 1/2)			2						
1.2.2.1	QTTĐ0522H	Quản trị sự thay đổi	Change Management	2	2					
1.2.2.2	TTCK0122H	Thị trường chứng khoán	Stock market		2					
1.3 Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ				33						
1.3.1	Các học phần bắt buộc			21						
1.3.1.1	QTTT0522H	Quản trị truyền thông	Communication Administration	2	2					
1.3.1.2	QTDA0522H	Quản trị dự án	Project management	2	2					
1.3.1.3	QTCL0522H	Quản trị chất lượng	Quality Management	2	2					

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP Trước	Mã HP song hành
				(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.3.1.4	TMĐT0522H	Thương mại điện tử	E-commerce	2	2					
1.3.1.5	LGYS0522H	Logistics	Logistics	2	2					
1.3.1.6	RRKD0522H	Quản trị rủi ro kinh doanh	Business risk administration	2	2					
1.3.1.7	PMQK0523T	Phần mềm quản trị kinh doanh	Business administration software	3	3					
1.3.1.8	KNLĐ0522H	Kỹ năng lãnh đạo và ra quyết định kinh doanh	Leadership skills and business decision-making	2	2					
1.3.1.9	KNĐP0522H	Kỹ năng giao tiếp và đàm phán kinh doanh	Business communication and negotiation skills	2	2					
1.3.1.10	KNLV0522H	Kỹ năng làm việc và quản trị nhóm trong kinh doanh	Teamwork and management in business	2	2					
1.3.2	Học phần tự chọn (chọn 1/3)			2						
1.3.2.1	TDTT0122H	Tín dụng và thanh toán	Credit and Settlement	2	2					
1.3.2.2	KNPV0522H	Kỹ năng ứng xử và phỏng vấn việc làm	Behaviouiring and interviewing skills		2					
1.3.2.3	NVKD0522H	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	Import and export business operations		2					
1.3.3	TTCK0524T	Thực tập cuối khóa	Final Internship	4				4		

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP Trước	Mã HP song hành
				(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.3.4	Học phần thay thế hoặc Khóa luận tốt nghiệp (Sinh viên viết Khóa luận hoặc học 2 học phần thay thế)			6						
1.3.4.1	KHKD0523H	Kế hoạch kinh doanh	Business Planning	3	3					
1.3.4.2	CTYG0523H	Công ty đa quốc gia và chiến lược kinh doanh toàn cầu	Multinational company and global business strategy	3	3					
1.3.4.3	KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp	Thesis	6			6			
1.4 Kiến thức nền tảng rộng				25						
1.4.1 Khoa học tự nhiên				7						
1.4.1.1	TCC11122L	Toán cao cấp 1	Advanced mathematics 1	2	2					
1.4.1.2	TCC21122L	Toán cao cấp 2	Advanced mathematics 1	2	2					
1.4.1.3	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Probability and Statistics	3	3					
1.4.2 Khoa học chính trị				11						
1.4.2.1	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	Marxist - Leninist philosophy	3	2					
1.4.2.2	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Marxist Leninist Political Economics	2	3					

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP Trước	Mã HP song hành
				(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.4.2.3	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ chí Minh	Ho Chi Minh Ideology	2	2					
1.4.2.4	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	2	3					
1.4.2.5	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Science socialism	2	2					
1.4.3 Pháp luật				2						
1.4.3.1	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	General law	2	2					
1.4.4 Tin học				6						
1.4.4.1	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	Basic informatics 1	2	2					
1.4.1.2	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	Basic informatics 2	2	2					
1.4.1.3	SPSS1322T	Phân tích và xử lý dữ liệu với SPSS	Analytics with SPSS	2	2					
1.5 Kiến thức khác ngành				5						
1.5.1	Học phần tự chọn (chọn 1/4)			2						
1.5.1.1	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	Text Editor	2	2					
1.5.1.2	NCKH0722L	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Scientific research methodology		2					
1.5.1.3	LOGI0722L	Logic học	Logic		2					
1.5.1.4	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	General Psychology		2					

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP Trước	Mã HP song hành
				(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.5.1.4	KTQT0123H	Kế toán quản trị	Managerial Accounting	3	3					
1.6 Kiến thức đại cương khác				9						
1.6.1 Ngoại ngữ				9						
1.6.1.1	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	Basic English 1	2	2					
1.6.1.2	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	Basic English 2	3	3				TAC10622H	
1.6.1.3	TAKD0622H	Tiếng Anh chuyên ngành quản trị kinh doanh	English for Business Administration	2	2					
1.6.1.4	TOEI0622H	Thực hành TOEIC	TOIEC Practice	2	2					
1.6.2. Giáo dục thể chất (3 TC)				3		3				
	Các học phần bắt buộc									
1.6.2.1	TDĐK1421T	Thể dục điền kinh	Gymnastics and Athletics							
	Các học phần tự chọn (chọn 2/6)									
1.6.2.2	BOC11421T	Bóng chuyền 1	VOLLEY BALL 1							
1.6.2.3	BOC21421T	Bóng chuyền 2	VOLLEY BALL 2							
1.6.2.4	BOR11421T	Bóng rổ 1	BASKETBALL 1							
1.6.2.5	BOR21421T	Bóng rổ 2	BASKETBALL 2							
1.6.2.6	CLOL11421T	Cầu lông 1	BADMINTON 1							
1.6.2.7	CLO21421T	Cầu lông 2	BADMINTON 2							
	Các học phần dành cho sinh viên có vấn đề về sức khỏe									

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP Trước	Mã HP song hành
				(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.6.2.8	COV11421L	Cờ vua 1	CHESS 1							
1.6.2.9	COV21421L	Cờ vua 2	CHESS 2							
1.6.2.10	COV31421L	Cờ vua 3	CHESS 3							
1.6.3. Giáo dục quốc phòng (165 tiết)										
1.6.3.1	DLQP1423L	Đường lối quốc phòng và an ninh Đảng cộng sản Việt Nam	National defense and security guidelines of Vietnam communist party							
1.6.3.2	CTQP1422L	Công tác quốc phòng và an ninh	National defense and security							
1.6.3.3	QSUC1421L	Quân sự chung	Quân sự chung							
1.6.3.4	KTCD1422T	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Infantry combat techniques and tactics							
Tổng cộng				121						

2.4. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Bảng 2.4. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Tên học phần	Chuẩn đầu ra PLOs												
			Kiến thức							Kỹ năng			Tự chủ tự chịu trách nhiệm		Trình độ ngoại ngữ
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1.1 Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành															
1.1.1	Các học phần bắt buộc														
1.1.1.1	ViMO0523H	Kinh tế vi mô	IT					TU					U	U	
1.1.1.2	ViMO0523H	Kinh tế vĩ mô	IT	IT			IT	IT		U	U	U	U		
1.1.1.3	NLTK1322H	Nguyên lý thống kê				IT	IT		U			U		U	
1.1.1.4	LKTE1022H	Luật kinh tế	IT						U		IT			U	
1.1.1.5	MARC0522H	Marketing căn bản		IT		IT					U		U		
1.1.1.6	NLK10122H	Nguyên lý kế toán 1				IT			U			U		U	
1.1.1.7	QTHO0522H	Quản trị học		IT		IT	TU			U	U		U	U	
1.1.1.8	TCTT0122H	Tài chính - Tiền tệ		IT		IT				U			U	U	
1.1.1.9	LTTC0523H	Lý thuyết tổ chức		IT		IT		TU	TU	U	U	U	U	U	
1.1.1.10	KTQT0522H	Kinh tế quốc tế		IT		IT	IT	TU	U	U			U		
1.1.2	Các học phần tự chọn (chọn 1/3)														
1.1.2.1	KTLU1122H	Kinh tế lượng		IT				U	U	U			U		
1.1.2.2	VHDN0522H	Văn hóa doanh nghiệp		IT		IT	IT	IT		U	U		U	U	

TT	Mã HP	Tên học phần	Chuẩn đầu ra PLOs												
			Kiến thức							Kỹ năng			Tự chủ tự chịu trách nhiệm		Trình độ ngoại ngữ
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1.1.2.3	KTPT0522H	Kinh tế phát triển		IT				IT					U	U	
1.2 Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi															
1.2.1	Các học phần bắt buộc														
1.2.1.1	QTCL0523H	Quản trị chiến lược				IT	TU	U	U	U		U	U		
1.2.1.2	QMAR0523H	Quản trị marketing				IT	TU	IT	U	U		U	U		
1.2.1.3	QTSX0523H	Quản trị sản xuất				IT	IT		U	U		U	U		
1.2.1.4	QTCU0523H	Quản trị chuỗi cung ứng				IT	TU	U	U	U	U	U		U	
1.2.1.5	QTNL0223H	Quản trị nhân lực				IT	IT	TU		U		U			
1.2.1.6	TCDN0123H	Quản trị tài chính doanh nghiệp				IT		TU	U				U		
1.2.1.8	KSKD0523H	Khởi sự kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp				IT	IT	IT	IT	TU		U	U	U	
1.2.2	Các học phần tự chọn (chọn 1/2)														
1.2.2.1	QTTĐ0522H	Quản trị sự thay đổi				IT	IT	TU	TU	U	U	U	U	U	
1.2.2.2	TTCK0122H	Thị trường chứng khoán				IT			TU				U		
1.3 Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ															
1.3.1	Các học phần bắt buộc														

TT	Mã HP	Tên học phần	Chuẩn đầu ra PLOs												
			Kiến thức							Kỹ năng			Tự chủ tự chịu trách nhiệm		Trình độ ngoại ngữ
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1.3.1.1	QTTT0522H	Quản trị truyền thông				IT	TU	TU	U			U	U		
1.3.1.2	QTDA0522H	Quản trị dự án				IT	IT	IT	TU	U	U	U	U		
1.3.1.3	QTCL0522H	Quản trị chất lượng						IT	U			U	U		
1.3.1.4	TMĐT0522H	Thương mại điện tử				IT	IT	TU		U		U	U		
1.3.1.5	LGYS0522H	Logistics				IT	IT	TU	U	U		U	U	U	
1.3.1.6	RRKD0522H	Quản trị rủi ro kinh doanh				IT	TU			U			U		
1.3.1.7	PMQK0523T	Phần mềm quản trị kinh doanh		IT		TU	TU	TU			U	U	U		
1.3.1.8	KNLĐ0522H	Kỹ năng lãnh đạo và ra quyết định kinh doanh				IT	IT		TU	U	U	U	U		
1.3.1.9	KNĐP0522H	Kỹ năng giao tiếp và đàm phán kinh doanh					IT	IT	TU	U	U		U		
1.3.1.10	KNLV0522H	Kỹ năng làm việc và quản trị nhóm trong kinh doanh					IT			TU	TU		U		
1.3.2	Học phần tự chọn (chọn 1/3)														
1.3.2.1	TDTT0122H	Tín dụng và thanh toán				IT	IT			U		U	U		
1.3.2.2	KNPV0522H	Kỹ năng ứng xử và phỏng vấn việc làm				IT				TU			U	U	

TT	Mã HP	Tên học phần	Chuẩn đầu ra PLOs												
			Kiến thức							Kỹ năng			Tự chủ tự chịu trách nhiệm		Trình độ ngoại ngữ
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1.3.2.3	NVKD0522H	Nghệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu				IT	TU		TU	U	U	U	U		U
1.3.3	TTCK0524T	Thực tập cuối khóa	U	U		U	U	U	U	U	U	U	TU	TU	U
1.3.4	Học phần thay thế hoặc Khóa luận tốt nghiệp (Sinh viên viết Khóa luận hoặc học 2 học phần thay thế)														
1.3.4.1	KHKD0523H	Kế hoạch kinh doanh	U	U		U	U	U	U	U	U		TU	TU	U
1.3.4.2	CTYG0523H	Công ty đa quốc gia và chiến lược kinh doanh toàn cầu	TU	TU		TU	U	U	U	U	U		TU	TU	U
1.3.4.3	KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp	U	U		U	U	U	U	U	U	U	TU	TU	U
1.4 Kiến thức nền tảng rộng															
1.4.1 Khoa học tự nhiên															
1.4.1.1	TCC11122L	Toán cao cấp 1		IT			TU	TU					U		
1.4.1.2	TCC21122L	Toán cao cấp 2		IT			TU	TU					U		
1.4.1.3	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và thống kê toán		IT			TU	TU					U		
1.4.2 Khoa học chính trị															
1.4.2.1	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	TU											U	

TT	Mã HP	Tên học phần	Chuẩn đầu ra PLOs												
			Kiến thức							Kỹ năng			Tự chủ tự chịu trách nhiệm		Trình độ ngoại ngữ
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1.4.2.2	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	TU				U							U	
1.4.2.3	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ chí Minh	TU											U	
1.4.2.4	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TU											U	
1.4.2.5	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TU											U	
1.4.3 Pháp luật															
1.4.3.1	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	TU								TU			U	
1.4.4 Tin học															
1.4.4.1	TCB11222H	Tin học cơ bản 1		TU						U		U			
1.4.1.2	TCB21222H	Tin học cơ bản 2		TU						U		U			
1.4.1.3	SPSS1322T	Phân tích và xử lý dữ liệu với SPSS		TU				U				U	U		
1.5 Kiến thức khác ngành															
1.5.1	Học phần tự chọn (chọn 1/4)														
1.5.1.1	STVB1022H	Soạn thảo văn bản								TU	TU	U			
1.5.1.2	NCKH0722L	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học		TU		TU									
1.5.1.3	LOGI0722L	Logic học		TU		TU									

TT	Mã HP	Tên học phần	Chuẩn đầu ra PLOs												
			Kiến thức							Kỹ năng			Tự chủ tự chịu trách nhiệm		Trình độ ngoại ngữ
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1.5.1.4	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương		TU						U					
1.5.1.4	KTQT0123H	Kế toán quản trị				TU		U					U		
1.6 Kiến thức đại cương khác															
1.6.1 Ngoại ngữ															
1.6.1.1	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1						TU					U		TU
1.6.1.2	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2						TU					U		TU
1.6.1.3	TAKD0622H	Tiếng Anh chuyên ngành quản trị kinh doanh						TU					U		U
1.6.1.4	TOEI0622H	Thực hành TOEIC						U					U		U
1.6.2. Giáo dục thể chất (3 TC)															
1.6.2.1	BOC11421T	Bóng chuyền 1			TU										
1.6.2.2	BOC21421T	Bóng chuyền 2			TU										
1.6.2.3	BOR11421T	Bóng rổ 1			TU										
1.6.2.4	BOR21421T	Bóng rổ 2			TU										
1.6.2.5	CLO11421T	Cầu lông 1			TU										
1.6.2.6	CLO21421T	Cầu lông 2			TU										
1.6.2.7	COV11421L	Cờ vua 1			TU										
1.6.2.8	COV21421L	Cờ vua 2			TU										

TT	Mã HP	Tên học phần	Chuẩn đầu ra PLOs												
			Kiến thức							Kỹ năng			Tự chủ tự chịu trách nhiệm		Trình độ ngoại ngữ
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1.6.2.9	COV31421L	Cờ vua 3			TU										
1.6.2.10	TDĐK1421T	Thế dục điền kinh			TU										
1.6.3. Giáo dục quốc phòng (165 tiết)															
1.6.3.1	ĐLQP1423L	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam			TU										
1.6.3.2	CTQP1422L	Công tác quốc phòng an ninh			TU										
1.6.3.3	QSUC1421L	Quân sự chung			TU										
1.6.3.4	KTCD1422T	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật			TU										

Ghi chú: I - Introduce, T - Teach, u - Utilize

2.5. Ma trận Chiến lược phương pháp dạy và học của các học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra

Bảng 2.5. Ma trận Chiến lược phương pháp dạy và học của các học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra

TT	Mã HP	Tên học phần	I				II			III		IV	V			VI	VII
			TLM	TLM	TLM	TLM	TLM	TLM	TLM	TLM	TLM	TLM	TLM	TLM	TLM	TLM	TLM
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1.1 Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành																	
1.1.1	Các học phần bắt buộc																
1.1.1.1	ViMO0523H	Kinh tế vi mô	x	x						x	x					x	
1.1.1.2	ViMO0523H	Kinh tế vĩ mô	x	x		x				x	x					x	
1.1.1.3	NLTK1322H	Nguyên lý thống kê	x	x		x			x	x						x	
1.1.1.4	LKTE1022H	Luật kinh tế		x					x		x	x					
1.1.1.5	MARC0522H	Marketing căn bản		x					x	x	x	x				x	
1.1.1.6	NLK10122H	Nguyên lý kế toán 1	x	x		x										x	
1.1.1.7	QTHO0522H	Quản trị học		x		x			x	x	x	x				x	
1.1.1.8	TCTT0122H	Tài chính - Tiền tệ	x	x												x	
1.1.1.9	LTTC0523H	Lý thuyết tổ chức		x					x			x				x	
1.1.1.10	KTQT0522H	Kinh tế quốc tế		x		x			x	x	x	x				x	
1.1.2	Các học phần tự chọn (chọn 1/3)																
1.1.2.1	KTLU1122H	Kinh tế lượng	x		x	x			x	x	x	x				x	
1.1.2.2	VHDN0522H	Văn hóa doanh nghiệp		x		x			x	x	x	x			x	x	
1.1.2.3	KTPT0522H	Kinh tế phát triển	x	x		x					x	x				x	
1.2 Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi																	
1.2.1	Các học phần bắt buộc																
1.2.1.1	QTCL0523H	Quản trị chiến lược		x		x			x	x	x	x				x	

TT	Mã HP	Tên học phần	I				II			III		IV	V			VI	VII
			TLM	TLM	TLM	TLM	TLM	TLM	TLM	TLM	TLM	TLM	TLM	TLM	TLM	TLM	TLM
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1.2.1.2	QMAR0523H	Quản trị marketing		x		x			x	x	x	x					x
1.2.1.3	QTSX0523H	Quản trị sản xuất		x		x			x	x	x	x					x
1.2.1.4	QTCU0523H	Quản trị chuỗi cung ứng		x		x			x	x	x	x					x
1.2.1.5	QTNL0223H	Quản trị nhân lực	x	x		x						x				x	
1.2.1.6	TCDN0123H	Quản trị tài chính doanh nghiệp	x	x		x											x
1.2.1.8	KSKD0523H	Khởi sự kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp		x		x			x	x	x	x					x
1.2.2	Các học phần tự chọn (chọn 1/2)																
1.2.2.1	QTTĐ0522H	Quản trị sự thay đổi		x		x			x	x	x	x					x
1.2.2.2	TTCK0122H	Thị trường chứng khoán	x	x		x											x
1.3 Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ																	
1.3.1	Các học phần bắt buộc																
1.3.1.1	QTTT0522H	Quản trị truyền thông		x		x			x	x	x	x					x
1.3.1.2	QTDA0522H	Quản trị dự án		x		x			x	x	x	x					x
1.3.1.3	QTCL0522H	Quản trị chất lượng		x		x			x	x	x	x					x
1.3.1.4	TMĐT0522H	Thương mại điện tử		x		x			x	x	x	x					x
1.3.1.5	LGYS0522H	Logistics		x		x			x	x	x	x					x
1.3.1.6	RRKD0522H	Quản trị rủi ro kinh		x		x			x	x	x	x					x

TT	Mã HP	Tên học phần	I				II			III		IV	V			VI	VII
			TLM	TLM	TLM	TLM	TLM	TLM	TLM	TLM	TLM	TLM	TLM	TLM	TLM	TLM	
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
		doanh															
1.3.1.7	PMQK0523T	Phần mềm quản trị kinh doanh	x		x	x			x	x		x					
1.3.1.8	KNLD0522H	Kỹ năng lãnh đạo và ra quyết định kinh doanh		x		x			x	x	x	x				x	
1.3.1.9	KNĐP0522H	Kỹ năng giao tiếp và đàm phán kinh doanh		x		x			x	x	x	x				x	
1.3.1.10	KNLV0522H	Kỹ năng làm việc và quản trị nhóm trong kinh doanh		x		x			x	x	x	x				x	
1.3.2	Học phần tự chọn (chọn 1/3)																
1.3.2.1	TDTT0122H	Tín dụng và thanh toán	x	x		x										x	
1.3.2.2	KNPV0522H	Kỹ năng ứng xử và phỏng vấn việc làm		x		x			x	x	x	x				x	
1.3.2.3	NVKD0522H	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu		x		x			x	x	x	x				x	
1.3.3	TTCK0524T	Thực tập cuối khóa	x					x			x		x				
1.3.4	Học phần thay thế hoặc Khóa luận tốt nghiệp																
1.3.4.1	KHKD0523H	Kế hoạch kinh		x					x			x				x	

TT	Mã HP	Tên học phần	I				II			III		IV	V			VI	VII
			TLM	TLM	TLM	TLM	TLM	TLM	TLM	TLM	TLM	TLM	TLM	TLM	TLM	TLM	TLM
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
		doanh															
1.3.4.2	CTYG0523H	Công ty đa quốc gia và chiến lược kinh doanh toàn cầu		x		x			x	x	x	x					x
1.3.4.3	KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp	x					x			x		x				
1.4 Kiến thức nền tảng rộng																	
1.4.1 Khoa học tự nhiên																	
1.4.1.1	TCC11122L	Toán cao cấp 1	x	x	x	x			x	x		x					x
1.4.1.2	TCC21122L	Toán cao cấp 2	x	x	x	x			x	x		x					x
1.4.1.3	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	x	x		x			x	x		x					x
1.4.2 Khoa học chính trị																	
1.4.2.1	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	x	x		x			x	x		x					x
1.4.2.2	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	x	x		x			x	x		x					x
1.4.2.3	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ chí Minh	x	x		x		x	x	x		x					x
1.4.2.4	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x	x		x			x	x		x					x
1.4.2.5	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x	x		x			x	x		x					x
1.4.3 Pháp luật																	

TT	Mã HP	Tên học phần	I				II			III		IV	V			VI	VII
			TLM	TLM	TLM	TLM	TLM	TLM	TLM	TLM	TLM	TLM	TLM	TLM	TLM	TLM	
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1.4.3.1	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương		x					x		x	x					
1.4.4 Tin học																	
1.4.4.1	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	x	x		x			x	x							x
1.4.1.2	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	x	x		x			x	x							x
1.4.1.3	SPSS1322T	Phân tích và xử lý dữ liệu với SPSS	x			x			x	x							x
1.5 Kiến thức khác ngành																	
1.5.1	Học phần tự chọn (chọn 1/4)																
1.5.1.1	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	x	x		x			x	x	x	x					x
1.5.1.2	NCKH0722L	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học		x		x			x			x		x			x
1.5.1.3	LOGI0722L	Logic học	x	x			x										
1.5.1.4	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	x	x		x			x								x
1.5.1.4	KTQT0123H	Kế toán quản trị	x	x		x											x
1.6 Kiến thức đại cương khác																	
1.6.1 Ngoại ngữ																	
1.6.1.1	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	x							x	x	x					
1.6.1.2	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	x							x	x	x					
1.6.1.3	TAKD0622H	Tiếng Anh chuyên ngành quản trị kinh doanh	x							x	x	x					

TT	Mã HP	Tên học phần	I				II			III		IV	V			VI	VII
			TLM	TLM	TLM	TLM	TLM	TLM	TLM	TLM	TLM	TLM	TLM	TLM	TLM	TLM	TLM
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1.6.1.4	TOEI0622H	Thực hành TOEIC	x							x	x	x					
1.6.2. Giáo dục thể chất (3 TC)																	
1.6.2.1	TDĐK1241T	Thể dục – Điền kinh	x			x			x	x	x	x					x
1.6.2.2	BOC11241T	Bóng chuyền 1	x	x		x	x		x	x	x	x					x
1.6.2.3	BOC21241T	Bóng chuyền 2	x	x		x	x		x	x	x	x					x
1.6.2.4	CLO11241T	Cầu lông 1	x	x		x	x		x	x	x	x					x
1.6.2.5	CLO21241T	Cầu lông 2	x	x		x	x		x	x	x	x					x
1.6.2.6	BOR11241T	Bóng rổ 1	x	x		x	x		x	x	x	x					x
1.6.2.7	BOR21241T	Bóng rổ 2	x	x		x	x		x	x	x	x					x
1.6.2.8	COV11241L	Cờ vua 1	x	x		x			x	x	x	x					x
1.6.2.9	COV21241L	Cờ vua 2	x	x		x			x	x	x	x					x
1.6.2.10	COV31241L	Cờ vua 3	x	x		x			x	x	x	x					x
1.6.3. Giáo dục quốc phòng (165T)								x									
1.6.3.1	ĐLQP1423L	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	x	x		x			x								
1.6.3.2	CTQP1422L	Công tác quốc phòng an ninh	x	x		x			x								
1.6.3.3	QSUC1421L	Quân sự chung	x	x				x	x	x		x					
1.6.3.4	KTCD1422T	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	x	x				x			x	x					

2.6. Ma trận phương pháp đánh giá của các học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra

Bảng 2.6. Bảng ma trận phương pháp đánh giá các học phần đáp ứng chuẩn đầu ra

TT	Mã HP	Tên học phần	I			II						
			AM	AM	AM	AM	AM	AM	AM	AM	AM	AM
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1.1 Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành												
1.1.1	Các học phần bắt buộc											
1.1.1.1	ViMO0523H	Kinh tế vi mô	x	x		x	x					
1.1.1.2	ViMO0523H	Kinh tế vĩ mô	x	x	x	x	x			x		
1.1.1.3	NLTK1322H	Nguyên lý thống kê	x	x		x						
1.1.1.4	LKTE1022H	Luật kinh tế	x			x	x					
1.1.1.5	MARC0522H	Marketing căn bản	x	x	x	x	x			x	x	
1.1.1.6	NLK10122H	Nguyên lý kế toán 1	x	x		x	x					
1.1.1.7	QTHO0522H	Quản trị học	x	x	x		x			x	x	
1.1.1.8	TCTT0122H	Tài chính - Tiền tệ	x	x		x	x					
1.1.1.9	LTTC0523H	Lý thuyết tổ chức	x	x	x	x	x			x		
1.1.1.10	KTQT0522H	Kinh tế quốc tế	x	x	x	x	x			x	x	
1.1.2	Các học phần tự chọn (chọn 1/3)											
1.1.2.1	KTLU1122H	Kinh tế lượng	x	x	x	x					x	
1.1.2.2	VHDN0522H	Văn hóa doanh nghiệp	x	x	x	x	x			x		
1.1.2.3	KTPT0522H	Kinh tế phát triển	x	x	x	x	x					
1.2 Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi												
1.2.1	Các học phần bắt buộc											
1.2.1.1	QTCL0523H	Quản trị chiến lược	x	x	x	x	x			x	x	

TT	Mã HP	Tên học phần	I			II						
			AM	AM	AM	AM	AM	AM	AM	AM	AM	AM
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1.2.1.2	QMAR0523H	Quản trị marketing	x	x	x		x			x		
1.2.1.3	QTSX0523H	Quản trị sản xuất	x	x		x	x			x	x	
1.2.1.4	QTCU0523H	Quản trị chuỗi cung ứng	x	x	x	x	x			x		
1.2.1.5	QTNL0223H	Quản trị nhân lực	x	x		x						
1.2.1.6	TCDN0123H	Quản trị tài chính doanh nghiệp	x	x		x	x					
1.2.1.8	KSKD0523H	Khởi sự kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp	x	x	x		x			x	x	
1.2.2	Các học phần tự chọn (chọn 1/2)											
1.2.2.1	QTTĐ0522H	Quản trị sự thay đổi	x	x	x	x	x			x		
1.2.2.2	TTCK0122H	Thị trường chứng khoán	x	x		x	x					
1.3 Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ												
1.3.1	Các học phần bắt buộc											
1.3.1.1	QTTT0522H	Quản trị truyền thông	x	x	x	x	x			x		
1.3.1.2	QTDA0522H	Quản trị dự án	x	x	x		x			x		
1.3.1.3	QTCL0522H	Quản trị chất lượng	x	x		x	x			x	x	
1.3.1.4	TMĐT0522H	Thương mại điện tử	x	x	x		x			x	x	
1.3.1.5	LGYS0522H	Logistics	x	x	x	x	x			x	x	
1.3.1.6	RRKD0522H	Quản trị rủi ro kinh doanh	x	x	x	x	x			x	x	
1.3.1.7	PMQK0523T	Phần mềm quản trị kinh doanh	x	x						x	x	
1.3.1.8	KNLĐ0522H	Kỹ năng lãnh đạo và ra quyết định kinh doanh	x	x	x	x	x			x		
1.3.1.9	KNĐP0522H	Kỹ năng giao tiếp và đàm phán kinh doanh	x	x	x	x	x			x		
1.3.1.10	KNLV0522H	Kỹ năng làm việc và quản trị nhóm trong kinh doanh	x	x		x				x		
1.3.2	Học phần tự chọn (chọn 1/3)											

TT	Mã HP	Tên học phần	I			II						
			AM	AM	AM	AM	AM	AM	AM	AM	AM	AM
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1.3.2.1	TDDT0122H	Tín dụng và thanh toán	x	x				x				
1.3.2.2	KNPV0522H	Kỹ năng ứng xử và phỏng vấn việc làm	x	x	x		x			x		
1.3.2.3	NVKD0522H	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	x	x	x	x	x			x	x	
1.3.3	TTCK0524T	Thực tập cuối khóa	x	x								x
1.3.4	Học phần thay thế hoặc Khóa luận tốt nghiệp											
1.3.4.1	KHKD0523H	Kế hoạch kinh doanh	x	x	x	x			x	x		
1.3.4.2	CTYG0523H	Công ty đa quốc gia và chiến lược kinh doanh toàn cầu	x	x	x	x	x		x	x	x	
1.3.4.3	KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp										x
1.4 Kiến thức nền tảng rộng												
1.4.1 Khoa học tự nhiên												
1.4.1.1	TCC11122L	Toán cao cấp 1	x	x		x				x		
1.4.1.2	TCC21122L	Toán cao cấp 2	x	x		x				x		
1.4.1.3	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	x	x		x				x		
1.4.2 Khoa học chính trị												
1.4.2.1	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	x	x		x			x			
1.4.2.2	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	x	x		x			x			
1.4.2.3	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ chí Minh	x	x	x		x		x			
1.4.2.4	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x	x	x		x		x			
1.4.2.5	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x	x		x			x			
1.4.3 Pháp luật												
1.4.3.1	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	x			x	x					
1.4.4 Tin học												

TT	Mã HP	Tên học phần	I			II						
			AM	AM	AM	AM	AM	AM	AM	AM	AM	AM
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1.4.4.1	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	x	x							x	
1.4.1.2	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	x	x							x	
1.4.1.3	SPSS1322T	Phân tích và xử lý dữ liệu với SPSS	x	x		x					x	
1.5 Kiến thức khác ngành												
1.5.1	Học phần tự chọn (chọn 1/4)											
1.5.1.1	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	x	x		x						
1.5.1.2	NCKH0722L	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	x	x		x			x			
1.5.1.3	LOGI0722L	Logic học	x	x		x						
1.5.1.4	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	x	x	x	x	x			x		
1.5.1.4	KTQT0123H	Kế toán quản trị	x	x		x	x					
1.6 Kiến thức đại cương khác												
1.6.1 Ngoại ngữ												
1.6.1.1	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	x				x					
1.6.1.2	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	x				x					
1.6.1.3	TAKD0622H	Tiếng Anh chuyên ngành quản trị kinh doanh	x			x						
1.6.1.4	TOEI0622H	Thực hành TOEIC	x				x					
1.6.2. Giáo dục thể chất (3 TC)												
1.6.2.1	TĐĐK1241T	Thể dục – Điền kinh	x	x	x						x	
1.6.2.2	BOC11241T	Bóng chuyền 1	x	x							x	
1.6.2.3	BOC21241T	Bóng chuyền 2	x	x							x	
1.6.2.4	CLO11241T	Cầu lông 1	x	x							x	
1.6.2.5	CLO21241T	Cầu lông 2	x	x							x	
1.6.2.6	BOR11241T	Bóng rổ 1	x	x							x	

TT	Mã HP	Tên học phần	I			II						
			AM	AM	AM	AM	AM	AM	AM	AM	AM	AM
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1.6.2.7	BOR21241T	Bóng rổ 2	x	x	x						x	
1.6.2.8	COV11241L	Cờ vua 1	x	x	x			x				
1.6.2.9	COV21241L	Cờ vua 2	x	x	x			x				
1.6.2.10	COV31241L	Cờ vua 3	x	x	x			x				
1.6.3. Giáo dục quốc phòng (165T)												
1.6.3.1	ĐLQP1423L	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	x				x					
1.6.3.2	CTQP1422L	Công tác quốc phòng an ninh	x				x					
1.6.3.3	QSUC1421L	Quân sự chung	x				x					
1.6.3.4	KTCĐ1422T	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	x								x	

2.7. Tiến trình giảng dạy

Bảng 2.7 Sơ đồ tiến trình đào tạo

SƠ ĐỒ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH									
Học kỳ I	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Tiếng Anh cơ bản 1	Tin học cơ bản 1	Toán cao cấp 1	Toán cao cấp 2	Kinh tế vi mô	Quản trị học		
Học kỳ II	Triết học Mác - Lênin	Tiếng Anh cơ bản 2	Tin học cơ bản 2	Pháp luật đại cương	Lý thuyết xác suất và TK toán	Nguyên lý thống kê	Giáo dục thể chất	Giáo dục quốc phòng - An ninh	
Học kỳ III	Kinh tế vĩ mô	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Lý thuyết tổ chức	Marketing căn bản	Nguyên lý kế toán 1	Sơ thảo văn bản	Phương pháp luận NCKH	Logic học	Tâm lý học đại cương
						Tổ hợp HP tự chọn: Chọn 2/4			
Học kỳ IV	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Luật Kinh tế	Kinh tế quốc tế	Quản trị chiến lược	Quản trị marketing	Tiếng Anh chuyên ngành QTKD	Kinh tế lượng	Văn hóa doanh nghiệp	Kinh tế phát triển
							Tổ hợp tự chọn: Chọn 2/3		
Học kỳ V	Quản trị sản xuất	Thực hành TOEIC	Quản trị nhân lực	Quản trị tài chính doanh nghiệp	Kế toán quản trị	Khởi sự kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp	Quản trị chuỗi cung ứng		
Học kỳ VI	Quản trị chất lượng	Thương mại điện tử	Logistics	Quản trị rủi ro kinh doanh	Kỹ năng giao tiếp và đàm phán kinh doanh	Kỹ năng làm việc và quản trị nhóm trong kinh doanh	Quản trị truyền thông	Quản trị sự thay đổi	Thị trường chứng khoán
								Tổ hợp tự chọn: Chọn 1/2	
Học kỳ VII	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Quản trị dự án	Tài chính - Tiền tệ	Kỹ thuật xử lý dữ liệu S PSS	Phần mềm quản trị kinh doanh	Kỹ năng lãnh đạo và ra quyết định kinh doanh	Tin dụng và thanh toán	Kỹ năng ứng xử và phỏng vấn việc làm	Nghệ vụ kinh doanh xuất nhập khẩu
							Tổ hợp tự chọn: Chọn 2/3		
Học kỳ VIII	Thực tập cuối khóa	Khóa luận tốt nghiệp	Các học phần thay thế KLTN						
			Kế hoạch kinh doanh				Công ty đa quốc gia và chiến lược kinh doanh toàn cầu		

2.8. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần

1. Kinh tế vi mô

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần Kinh tế vi mô được trình bày với mục tiêu giúp người học nghiên cứu nắm bắt được những nguyên lý kinh tế cơ bản trong Kinh tế học và Kinh tế vi mô nói riêng. Nội dung của học phần đi sâu vào những vấn đề cơ bản của thị trường như cung- cầu, độ co giãn, hành vi người tiêu dùng và doanh nghiệp (Sản xuất - Chi phí - Lợi nhuận) và cấu trúc thị trường..

2. Kinh tế vĩ mô

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản khi xem xét nền kinh tế của quốc gia: Mô tả và đo lường các biến số kinh tế vĩ mô như GDP, GNP, giá cả, lạm phát, việc làm và tình trạng thất nghiệp, tiêu dùng, đầu tư, chi tiêu của chính phủ và thuế, cung cầu tiền, lãi suất, thâm hụt hay thặng dư thương mại...

3. Nguyên lý thống kê

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản sau: Những vấn đề chung về Thống kê học; Điều tra Thống kê; Điều tra chọn mẫu; Tổng hợp Thống kê; Nghiên cứu thống kê các mức độ của hiện tượng kinh tế - xã hội; Phân tích Hồi quy và Tương quan; Phương pháp phân tích Dãy số thời gian; Chỉ số.

4. Luật kinh tế

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về địa vị pháp lý của các chủ thể kinh doanh; pháp luật về giải quyết tranh chấp kinh doanh; pháp luật về phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

5. Marketing căn bản

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Marketing căn bản là học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về marketing, ảnh hưởng của marketing trong doanh nghiệp, xu hướng phát triển và ứng dụng của Marketing trong xu thế toàn cầu hóa, môi trường và thông tin về marketing. Nắm được kiến thức học phần sinh viên có thể phân tích các đặc tính và hành vi của khách hàng, phân đoạn thị trường, xác định thị trường mục tiêu và định vị hàng hóa trên thị trường. Học phần còn giúp cho người học nắm bắt được 4 công cụ chủ yếu trong hoạch định, tổ chức và thực hiện một chương trình marketing hỗn hợp (Marketing - mix): Chính sách sản phẩm (Product), Chính sách giá (Price), Chính sách phân phối (Place) và Chính sách Xúc tiến hỗn hợp (Promotion).

6. Nguyên lý kế toán 1

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này mô tả những kiến thức cơ bản của nguyên lý kế toán như khái niệm, bản chất, chức năng vai trò của kế toán, yêu cầu đối với thông tin kế toán, các nguyên tắc kế toán và phân loại đối tượng kế toán; Các phương tiện kế toán như Chứng từ kế toán, Tài khoản kế toán và Báo cáo kế toán. Bước đầu nghiên cứu kế toán các hoạt động kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp.

7. Quản trị học

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về quản trị tổ chức; Các lý thuyết quản trị; Môi trường quản trị; Quyết định quản trị; Chức năng lập kế hoạch; Chức năng tổ chức; Chức năng lãnh đạo; Chức năng kiểm soát.

8. Tài chính tiền tệ

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản như: Tài chính và thị trường tài chính; Tiền tệ, lạm phát, lãi suất, tín dụng và tỷ giá hối đoái; Ngân hàng trung ương; Ngân hàng thương mại; Thanh toán qua ngân hàng thương mại.

9. Lý thuyết tổ chức

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Giới thiệu chung về tổ chức; các yếu tố về mục tiêu, chiến lược, hiệu quả tổ chức, môi trường bên ngoài tổ chức đặc biệt trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu, công nghệ tổ chức, công nghệ thông tin trong tổ chức, quy mô và vòng đời tổ chức đồng thời phân tích mối quan hệ của chúng với thiết kế cấu trúc tổ chức.

10. Kinh tế quốc tế

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về đặc điểm và hoạt động của đầu tư quốc tế; những cơ hội thách thức mà các công ty phải đối mặt trong toàn cầu hóa, môi trường kinh doanh quốc tế khi tham gia vào hoạt động kinh doanh toàn cầu, đó là sự đa dạng của môi trường hoạt động với những yếu tố kinh tế, chính trị, văn hóa, pháp luật...

11. Kinh tế lượng

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp lượng hoá một mô hình kinh tế, hiểu cơ sở khoa học và kỹ thuật hồi quy đơn biến, đa biến; Giới thiệu một số kỹ thuật cơ bản trong việc sử dụng kinh tế lượng trong việc nghiên cứu và phân tích kinh tế

12. Văn hóa doanh nghiệp

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về văn hóa doanh nghiệp, các biểu hiện và các dạng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa ứng xử trong kinh doanh, đạo đức kinh doanh, xây dựng và duy trì văn hóa doanh nghiệp.

13. Kinh tế phát triển

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Đối tượng của môn Kinh tế phát triển; Lý luận phát triển và phát triển bền vững kinh tế; Các mô hình tăng trưởng kinh tế; Tính tất yếu và xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế; Các mô hình lý thuyết về xu hướng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế; Khía cạnh xã hội trong quá trình phát triển.

14. Quản trị chiến lược

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần Quản trị chiến lược cung cấp những kiến thức cơ bản với các nội dung chính: Tổng quan về quản trị chiến lược; Phân tích môi trường kinh doanh; Phân tích môi trường nội bộ doanh nghiệp; Xây dựng lợi thế cạnh tranh; Các loại chiến lược trong kinh doanh; Lựa chọn và thực hiện chiến lược; Đánh giá và điều chỉnh chiến lược

15. Quản trị marketing

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Khái quát về marketing và quản trị marketing, Xây dựng kế hoạch chiến lược marketing, Hệ thống thông tin và nghiên cứu marketing, Phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu, Hoạch định chiến lược marketing, Quản trị các chương trình marketing – mix, Tổ chức, thực hiện và điều khiển các hoạt động marketing..

16. Quản trị sản xuất

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần Quản trị sản xuất cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Quản trị sản xuất; Dự báo nhu cầu sản phẩm; Thiết kế sản phẩm và lựa chọn quy trình sản xuất; Hoạch định công suất; Định vị doanh nghiệp và bố trí sản xuất trong doanh nghiệp; Hoạch định tổng hợp; Điều độ sản xuất trong doanh nghiệp; Quản trị dự trữ.

17. Quản trị chuỗi cung ứng

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Giới thiệu về Quản trị chuỗi cung ứng; Quản trị hậu cần; Quản trị hàng tồn kho; Liên kết chuỗi cung ứng; Các vấn đề quốc tế và phối hợp quốc tế; Giá trị khách hàng qua chuỗi cung ứng.

18. Quản trị nhân lực

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan về quản trị nhân lực; Kiến thức về định hướng xây dựng chính sách nhân sự; Các nghiệp vụ cơ bản mà các nhà quản trị trong tương lai phải thực hiện như phân tích công việc, định mức lao động và hoạch định nhân sự; tuyển dụng nhân lực, sử dụng phân lực; quản lý đánh giá quá trình thực hiện công việc của người lao động, đào tạo nhân lực; thù lao lao động.

19. Quản trị tài chính doanh nghiệp

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: tổng quan về quản trị tài chính doanh nghiệp; quản trị tài sản ngắn hạn; quản trị tài sản dài hạn; nguồn huy động vốn trong doanh nghiệp; chi phí sử dụng vốn và cơ cấu nguồn vốn trong doanh nghiệp.

20. Kế toán quản trị

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Kế toán quản trị và môi trường kinh doanh; Phân loại chi phí; Hệ thống hạch toán chi phí sản xuất; Hình thái chi phí; Phân tích chi phí – sản lượng – lợi nhuận; Chi phí biến đổi – công cụ của quản lý; Hạch toán chi phí theo hoạt động; Dự toán sản xuất kinh doanh; Chi phí phù hợp cho việc ra quyết định.

21. Khởi sự kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khởi sự và tinh thần kinh doanh: Kỹ năng hình thành ý tưởng kinh doanh của người khởi sự kinh doanh, các khâu công việc cơ bản trong quá trình soạn thảo kế hoạch kinh doanh, kỹ thuật và các nội dung cần làm khi thành lập doanh nghiệp, kỹ năng cơ bản tái lập doanh nghiệp, tinh thần kinh doanh

22. Quản trị sự thay đổi

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về sự thay đổi và quản trị sự thay đổi; Nhận diện và nghiên cứu sự thay đổi; Hoạch định sự thay đổi; Tổ chức thực hiện sự thay đổi; Kiểm soát và hướng tới sự thay đổi liên tục.

23. Thị trường chứng khoán

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về thị trường chứng khoán; Hàng hoá trên thị trường chứng khoán; Thị trường chứng khoán sơ cấp; Thị trường chứng khoán thứ cấp; Phân tích chứng khoán.

24. Quản trị truyền thông

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần Quản trị Truyền thông trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Truyền thông trong doanh nghiệp, với các nội dung chính như: Nghiên cứu đối tượng truyền thông, soạn thảo thông điệp truyền thông sáng tạo, sử dụng công cụ truyền thông phù hợp, quản trị quá trình thực hiện một cách chặt chẽ và hiệu quả.

25. Quản trị dự án

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quản trị dự án: Tổng quan về quản trị dự án đầu tư; Lập kế hoạch dự án đầu tư; Quản trị thời gian và tiến độ dự án; Phân phối các nguồn lực cho dự án; Dự toán ngân sách dự án.

26. Quản trị chất lượng

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần Quản trị chất lượng giới thiệu những khái niệm, nội dung cơ bản về chất lượng, quản trị chất lượng, các hệ thống quản trị chất lượng như ISO 9000, TQM, HACCP, ISO 14000, ... và cung cấp một số công cụ kiểm soát chất lượng, chi phí chất lượng. Môn học này cũng chỉ rõ hoạt động quản trị chất lượng phải tập trung vào việc đề ra mục tiêu chất lượng rồi thiết lập kế hoạch, kiểm soát, đảm bảo và cải tiến chất lượng.

27. Thương mại điện tử

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về Thương mại điện tử. Học phần này bao gồm các nội dung như: khái niệm, vai trò và lịch sử phát triển của TMĐT, các cơ sở hạ tầng thiết yếu của TMĐT, các phương thức kinh doanh TMĐT, giao dịch điện tử, marketing điện tử; các vấn đề an ninh và phòng tránh rủi ro trong TMĐT. Phương pháp học tập, nghiên cứu chủ yếu của môn học này là phương pháp duy vật biện chứng, phương pháp toán, phương pháp nghiên cứu, thảo luận và giải quyết các tình huống.

28. Logistics

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần Logistics trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các hoạt động logistic trong doanh nghiệp, bao gồm các nội dung chính: dịch vụ khách hàng trong logistic, hệ thống thông tin logistic, những vấn đề cơ bản về vận tải, các quyết

định vận tải, quyết định dự trữ, quyết định mua và cung ứng, tổ chức logistic, kiểm soát logistic.

29. Quản trị rủi ro kinh doanh

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Môn học này sẽ trang bị cho người học những nội dung cơ bản nhất liên quan đến hoạt động quản trị rủi ro như các nguyên tắc trong quản trị rủi ro, đặc biệt là quản trị rủi ro trong các nghiệp vụ kinh doanh. Một số rủi ro đặc thù như rủi ro hoạt động, rủi ro thương hiệu, rủi ro trong đầu tư,... cũng được giới thiệu trong môn học để người học có thêm hiểu biết và kinh nghiệm cụ thể về quản trị rủi ro đối với những đối tượng này

30. Phần mềm quản trị kinh doanh

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp những kiến thức sau: Tổng quan về hệ thống phần mềm quản trị doanh nghiệp; Giới thiệu các phân hệ của hệ thống quản trị nguồn lực doanh nghiệp; Các phân hệ điển hình của hệ thống quản trị nguồn lực doanh nghiệp.

31. Kỹ năng lãnh đạo và ra quyết định kinh doanh

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần Kỹ năng lãnh đạo và ra quyết định kinh doanh cung cấp cho người học những kiến thức sau: Khái quát về người lãnh đạo và hoạt động lãnh đạo trong tổ chức; kỹ năng hoạch định; kỹ năng ủy quyền, trao quyền; kỹ năng động viên nhân viên làm việc; kỹ năng ra quyết định; kỹ năng quản trị sự thay đổi.

32. Kỹ năng giao tiếp và đàm phán kinh doanh

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Giao tiếp kinh doanh và đặc trưng của giao tiếp kinh doanh, các nguyên tắc sử dụng trong giao tiếp kinh doanh và chức năng của giao tiếp, cấu trúc của hoạt động giao tiếp, các kỹ năng giao tiếp kinh doanh; Khái niệm, đặc trưng của đàm phán kinh doanh, các giai đoạn trong tiến trình đàm phán kinh doanh; kỹ thuật đột phá thế Găng trong đàm phán kinh doanh

33. Kỹ năng làm việc và quản trị nhóm trong kinh doanh

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về kỹ năng làm việc nhóm và quản trị nhóm trong kinh doanh: Khái niệm, vai trò của nhóm trong kinh doanh; Cách thức tổ

chức hoạt động của nhóm trong kinh doanh; Lãnh đạo nhóm kinh doanh; Các kỹ năng giúp nâng cao hiệu quả làm việc nhóm và làm việc trong nhóm đa văn hóa

34. Tín dụng và thanh toán

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này đề cập đầy đủ về quy trình cấp tín dụng cho khách hàng, nghiệp vụ bảo đảm tín dụng và nội dung phân tích tín dụng; quy trình thanh toán các phương tiện, phương thức thanh toán trong nước và quốc tế.

35. Kỹ năng ứng xử và phỏng vấn việc làm

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần giới thiệu các nội dung kiến thức về quy trình tuyển dụng, vai trò, nguyên tắc của việc ứng xử và phỏng vấn xin việc; Các kỹ năng chuẩn bị cho buổi phỏng vấn xin việc, giao tiếp ứng xử trong khi phỏng vấn xin việc và kỹ năng ứng xử trong thời gian tuyển dụng và sau khi được tuyển dụng chính thức.

36. Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về hoạt động xuất nhập khẩu, các phương thức kinh doanh thương mại quốc tế; Ký kết và thực hiện hợp đồng thương mại quốc tế; Các điều kiện và phương thức thanh toán quốc tế.

37. Thực tập cuối khóa

Số tín chỉ: 04 tín chỉ

Học phần thực tập cuối khóa tạo tiền đề cho sinh viên ứng dụng những kiến thức và kinh doanh và quản trị vào thực tiễn, giúp sinh viên tham gia nghiên cứu và học hỏi kinh nghiệm giải quyết một vấn đề nhất định mà thực tiễn sản xuất, kinh doanh và quản trị tổ chức đặt ra. Sinh viên sẽ có điều kiện ứng dụng các kiến thức và kỹ năng đã nghiên cứu vào thực tiễn quản trị một ngân hàng, một doanh nghiệp sản xuất kinh doanh hay doanh nghiệp thương mại, hoặc vào một tổ chức thuộc lĩnh vực nào đó.

38. Kế hoạch kinh doanh

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần Kế hoạch kinh doanh nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về kế hoạch kinh doanh; Quy trình và tổ chức lập kế hoạch kinh doanh; Nội dung của bản kế hoạch kinh doanh và phương pháp lập các kế hoạch thành phần: Kế hoạch Marketing, Kế hoạch sản xuất vận hành/cung cấp dịch vụ; Kế hoạch nhân sự; Kế hoạch tài chính và Đánh giá rủi ro và chất lượng của kế hoạch kinh doanh.

39. Công ty đa quốc gia và chiến lược kinh doanh toàn cầu

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Công ty đa quốc gia và chiến lược kinh doanh toàn cầu cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về đặc điểm và hoạt động của công ty đa quốc gia; quyết định thâm nhập thị trường toàn cầu và chiến lược kinh doanh toàn cầu. Học phần nhấn mạnh đến những thách thức mà công ty đa quốc gia phải đối mặt khi tham gia vào hoạt động kinh doanh toàn cầu, đó chính là sự đa dạng của môi trường hoạt động với những yếu tố kinh tế, chính trị, văn hóa, pháp luật...rất khác nhau ở những quốc gia khác nhau. Từ đó giúp người học có thể vận dụng để phân tích những cơ hội, thách thức để lựa chọn chiến lược phù hợp, tạo ra lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp trên thị trường.

40. Khóa luận tốt nghiệp

Số tín chỉ: 06 tín chỉ

Học phần khóa luận tốt nghiệp là một công trình nghiên cứu khoa học được thực hiện nhằm chứng minh người học đã hội đủ kiến thức và khả năng giải quyết một vấn đề khoa học thuộc chuyên ngành quản trị kinh doanh. Khóa luận được hoàn thành phải cho thấy những tri thức được người học lĩnh hội trong quá trình học tập. Đồng thời người học phải cho thấy được khả năng vận dụng tri thức khoa học, những hiểu biết thực tiễn có liên quan, các kỹ năng thực hành nghề nghiệp chuyên sâu để giải quyết vấn đề nghiên cứu đã lựa chọn. Bên cạnh đó, quá trình tổ chức và thực thi việc nghiên cứu khoa học cho khóa luận cũng phản ánh tinh thần trách nhiệm, tính khoa học, tính tự chủ, tính sáng tạo và sự tự tin đối với chuyên môn ngành nghề của người học

41. Toán cao cấp 1

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp những kiến thức sau: Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản về ma trận, định thức; hệ phương trình tuyến tính; không gian vector và các mối liên hệ tuyến tính trong không gian vector. Học phần cũng cung cấp cách tính định thức, tìm ma trận nghịch đảo, tìm nghiệm của hệ phương trình tuyến tính, tìm hạng, cơ sở của hệ véc tơ và cơ sở của không gian con R^n ; Ứng dụng của đại số tuyến tính trong phân tích mô hình cân bằng cung cầu, mô hình cân đối liên ngành

42. Toán cao cấp 2

Số tín chỉ : 02 tín chỉ

Học phần gồm 3 chương, chứa đựng các kiến thức cơ bản cần thiết của giải tích và một số ứng dụng trong kinh tế: Dãy số giới hạn của dãy số; hàm số một biến số, giới hạn và tính liên tục; Đạo hàm, vi phân, tích phân của hàm số một biến số; Cực trị của hàm số một biến số; Ứng dụng của đạo hàm, tích phân trong phân tích kinh tế; Hàm số hai biến số; Đạo hàm và vi phân của hàm số hai biến số; Hàm thuần nhất; Cực

trị của hàm hai biến số; Ứng dụng của đạo hàm riêng, vi phân trong kinh tế học; Đạo hàm riêng cấp 2 và qui luật năng suất cận biên giảm dần; Hệ số co giãn; Hệ số thay thế.

43. Lý thuyết xác suất và Thống kê toán

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức căn bản về học phần lý thuyết xác suất thống kê nhằm rèn luyện cho người học khả năng tư duy logic, khả năng phân tích, khả năng tính toán định lượng cũng như trang bị cho người học các công cụ, các kỹ năng tính toán phục vụ cho việc học các học phần cơ sở, chuyên ngành.

44. Triết học Mác - Lênin

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác- Lênin và vai trò của triết học Mác- Lênin trong đời sống xã hội; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế- xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

45. Kinh tế chính trị Mác - Lênin

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Nội dung học phần bao gồm 6 chương: chương 1 trình bày về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 4 trình bày nội dung cốt lõi của chủ nghĩa Mác –Lênin về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Chương 5 và chương 6 trình bày những vấn đề chủ yếu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

46. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần tư tưởng Hồ Chí Minh được cấu trúc thành 6 chương, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của dân, do

dân và vì dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

47. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam gồm 5 chương trình bày về: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018); và Chương tổng kết.

48. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học là chương trình giảng dạy cho sinh viên trình độ đại học của trường Đại học Lao động - Xã hội gồm 7 chương, trình bày nội dung tri thức cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học: Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học; Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội..

49. Pháp luật đại cương

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau: Những vấn đề cơ bản về nhà nước; Những vấn đề cơ bản về pháp luật; Quy phạm pháp luật, văn bản quy phạm pháp luật; Quan hệ pháp luật; Thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý; Hệ thống pháp luật của nước CHXHCN Việt Nam; Pháp chế xã hội chủ nghĩa; pháp luật về phòng chống tham nhũng.

50. Tin học cơ bản 1

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức đại cương về tin học để có thể làm việc trên máy tính, làm việc với các phần mềm chạy trên nền Hệ điều hành Windows, trang bị kiến thức và rèn luyện kỹ năng soạn thảo và định dạng văn bản bằng Microsoft Word, kỹ năng tính toán, phân tích và tổng hợp dữ liệu bằng Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint. Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản

theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành hoặc tương đương.

51. Tin học cơ bản 2

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần tin học cơ bản 2 nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về cơ sở dữ liệu (Database), cơ sở dữ liệu quan hệ (Relational Database) và một số hệ quản trị cơ sở dữ liệu phổ biến hiện nay.

52. Phân tích và xử lý dữ liệu với SPSS

Số tín chỉ: 02

Học phần Phân tích và xử lý dữ liệu với SPSS cung cấp một cách có hệ thống các kỹ năng cần thiết khi phân tích dữ liệu sơ cấp và dữ liệu thứ cấp, bao gồm: Cách tổ chức và nhập liệu cho các dữ liệu sơ cấp thu thập trong các cuộc điều tra thống kê; Cách trình bày tóm tắt dữ liệu nghiên cứu bằng bảng biểu, đồ thị, đại lượng thống kê...; các phương pháp phân tích dữ liệu trên một biến hoặc nhiều biến kết hợp với nhau

53. Soạn thảo văn bản

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về văn bản nói chung và văn bản quản lý nhà nước nói riêng; Những yêu cầu về nội dung, thể thức, ngôn ngữ và văn phong của văn bản; Khái niệm, đặc trưng và kỹ thuật soạn thảo Quyết định cá biệt và một số loại văn bản hành chính thông thường.

54. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần Phương pháp luận nghiên cứu khoa học là chương trình giảng dạy cho sinh viên trình độ đại học của trường Đại học Lao động - Xã hội gồm 8 chương, trình bày những kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học: Làm rõ các khái niệm liên quan đến các sự vật, hiện tượng mà mình quan tâm; Phán đoán về mối liên hệ giữa các sự vật và hiện tượng; Tư duy nghiên cứu khoa học là tư duy hệ thống; Trình tự logic của nghiên cứu khoa học; Các phương pháp cơ bản để thực hiện nghiên cứu khoa học, nhất là bài báo khoa học và khóa luận tốt nghiệp; Cách tổ chức thực hiện đề tài và đánh giá đề tài; Đạo đức khoa học; Đánh giá nghiên cứu khoa học.

55. Logic học

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần Logic học là chương trình giảng dạy cho sinh viên trình độ đại học của Trường đại học Lao động - Xã hội gồm 06 chương, trình bày những kiến thức cơ bản của môn Logic học, trong đó cung cấp những kiến thức sau: đối tượng và ý nghĩa của Logic học, khái niệm, phán đoán, Những quy luật cơ bản của Logic hình thức, suy

luận, chứng minh, bác bỏ và giả thuyết nhằm rèn luyện và hình thành cho sinh viên thói quen suy nghĩ, lập luận chặt chẽ, rõ ràng, có cơ sở, có hệ thống để đạt tới những tri thức chính xác, khách quan và khoa học từ đó định hướng hoạt động thực tiễn.

56. Tâm lý học đại cương

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Tâm lý học đại cương cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học về bản chất, cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của hiện tượng tâm lý người; Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý; Khái quát sự hình thành và phát triển tâm lý người; Các tri thức cơ bản về các quá trình nhận thức, trí nhớ, tình cảm, ý chí của con người; Nhân cách và những yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành phát triển nhân cách con người..

57. Tiếng Anh cơ bản 1

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Cung cấp kiến thức tiếng Anh TOEIC cơ bản tương đương trình độ đầu A2 chuẩn châu Âu, với các nội dung: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Luyện giao tiếp bằng tiếng Anh ở mức ban đầu, trao đổi về các vấn đề học tập, cuộc sống, văn hóa, thể thao, công việc..

58. Tiếng Anh cơ bản 2

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Cung cấp kiến thức tiếng Anh TOEIC cơ bản tương đương trình độ A2 chuẩn châu Âu, với các nội dung: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Luyện giao tiếp bằng tiếng Anh ở mức ban đầu, trao đổi về các vấn đề học tập, cuộc sống, văn hóa, thể thao, công việc...

59. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho người học các thuật ngữ Phương pháp luận nghiên cứu khoa học liên quan đến những lĩnh vực quan trọng trong quản trị kinh doanh như marketing quốc tế, kế hoạch kinh doanh, hành vi tổ chức, kỹ năng quản lý và lãnh đạo,...

60. Thực hành TOEIC

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Cung cấp kiến thức tiếng Anh TOEIC cơ bản tương đương trình độ đầu A2 chuẩn châu Âu, với các nội dung: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Luyện giao tiếp bằng tiếng Anh ở mức ban đầu, trao đổi về các vấn đề học tập, cuộc sống, văn hóa, thể thao, công việc...

61. Thẻ đục - Điền kinh

Số tín chỉ: 01

Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng vận động về bài tập phát triển chung 13 động tác. Kỹ thuật nhảy cao kiểu úp bụng; Luật thi đấu môn nhảy cao.

62. Bóng chuyền 1

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật Bóng chuyền như: Kỹ thuật chuyền 1, Kỹ thuật chuyền 2, Kỹ thuật phát bóng.

63. Bóng chuyền 2

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức nâng cao về kỹ thuật Bóng chuyền như: Kỹ thuật chuyền 1, Kỹ thuật chuyền 2, Kỹ thuật phát bóng.

64. Bóng rổ 1

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật Bóng rổ như: Kỹ thuật dẫn bóng, Kỹ thuật chuyền bóng, Kỹ thuật dẫn bóng hai bước lên rổ một tay trên cao, Kỹ thuật tại chỗ ném rổ.

65. Bóng rổ 2

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về luật thi đấu Bóng rổ, cách thức phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, tập luyện các kỹ thuật Bóng rổ một cách thuần thục hình thành nên kỹ năng kỹ xảo vận động như: Kỹ thuật dẫn bóng, Kỹ thuật chuyền bóng, Kỹ thuật dẫn bóng hai bước lên rổ một tay trên cao, Kỹ thuật tại chỗ ném rổ.

66. Cầu lông 1

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật Cầu lông như: Cách cầm cầu, cách cầm vợt, các tư thế chuẩn bị cơ bản, kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật giao cầu, kỹ thuật đánh cầu thấp tay phải trái.

67. Cầu lông 2

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về luật thi đấu Cầu lông, cách thức phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, tập luyện các kỹ thuật Cầu lông một cách thuần thục hình thành nên kỹ năng kỹ xảo vận động như: Kỹ thuật di chuyển, Kỹ thuật giao cầu, Kỹ thuật đánh cầu cao sâu phải trái.

68. Cờ vua 1

Số tín chỉ: 01

Nguồn gốc ra đời của môn cờ vua. Lịch sử hình thành, phát triển của môn cờ vua trên thế giới và Việt Nam. Xu hướng phát triển, tác dụng của môn cờ vua trên thế giới và Việt Nam. Giai đoạn tàn cuộc của ván đấu. Một số điều luật trong cờ vua.

69. Cờ vua 2

Số tín chỉ: 01

Ôn tập nội dung chính của Cờ vua 1. Giai đoạn khai cuộc của ván đấu. Một số điều luật trong cờ vua.

70. Cờ vua 3

Số tín chỉ: 01

Ôn tập nội dung chính của cờ vua 2 và một phần cờ vua 1. Giai đoạn trung cuộc của ván đấu. Một số điều luật trong cờ vua.

71. Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng Sản Việt Nam

Số tín chỉ: 03

Học phần nghiên cứu những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh; Nghệ thuật quân sự Việt Nam; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển đảo, biên giới, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

72. Công tác Quốc phòng an ninh

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Phòng, chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông và phòng chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác, an ninh phi truyền thống và đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thống và vi phạm pháp luật trên không gian mạng ở Việt Nam.

73. Quân sự chung

Số tín chỉ: 01

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau: Những nội dung cơ bản về quân sự, an ninh: hiểu biết về lịch sử ra đời, truyền thống của các quân binh chủng trong quân đội; các chế độ sinh hoạt, công tác trong ngày, tuần, các nề nếp chính quy trong đơn vị quân đội; hiểu biết và biết cách sử dụng bản đồ địa hình quân sự; hiểu

biết về vũ khí công nghệ cao và cách phòng chống trong chiến tranh; rèn luyện và thi đấu ba môn quân sự phối hợp

74. Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau: Tính năng, cấu tạo, quy tắc sử dụng súng, lựu đạn. Trình tự các bước thực hành ngắm bắn và trình tự các bước thực hành ném lựu đạn. Kỹ thuật, chiến thuật trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và cảnh giới

2.9. Đối sánh CTĐT với Trường Đại học trong và ngoài nước đã tham khảo

2.9.1. Tên các chương trình đào tạo tham khảo

Trong quá trình xây dựng chương trình Quản trị kinh doanh, Nhà trường đã tham khảo một số chương trình đào tạo trong và ngoài nước. Cụ thể như sau:

1. Các chương trình trong nước:

- Chương trình đào tạo cử nhân chính quy ngành QTKD, Trường ĐH Kinh tế quốc dân
- Chương trình đào tạo cử nhân chính quy ngành QTKD, Trường Đại học Thăng Long

2. Các chương trình nước ngoài

- Chương trình đào tạo cử nhân ngành Marketing, QTKD, KDQT, Đại học Wilmington, Mỹ
- Chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản trị kinh doanh, Đại học Asia Pacific University (APU), Malaysia.

2.9.2. So sánh các chương trình đào tạo

Bảng 2.9. Đối sánh chương trình đào tạo với các cơ sở đào tạo trong nước

Trường tham khảo	Tương thích về cấu trúc và nội dung	Chương trình tham khảo	Chương trình đào tạo QTKD -ULSA	Mức độ tương đồng
Trường ĐH Kinh tế quốc dân	Cấu trúc	Số lượng tín chỉ: 129 TC (không bao gồm GDTC và QPAN) Giáo dục đại cương: 44 TC Kiến thức giáo dục chuyên ngành bao gồm: Cơ sở ngành,	Số lượng tín chỉ: 121 TC (không bao gồm GDTC và QPAN) Giáo dục đại cương: 40 TC Kiến thức giáo dục chuyên ngành bao	Chương trình của trường ít hơn 8 TC. Trong đó ít hơn 4 TC giáo dục đại cương và 4 TC kiến

Trường tham khảo	Tương thích về cấu trúc và nội dung	Chương trình tham khảo	Chương trình đào tạo QTKD -ULSA	Mức độ tương đồng
		kiến thức chuyên ngành, kiến thức bổ trợ: 85TC Cụ thể: - Kiến thức cơ sở ngành: 15 - Kiến thức chuyên ngành: 42 - Kiến thức chuyên sâu và bổ trợ: 18 - Thực tập và TN: 10TC	gồm: Cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành, kiến thức bổ trợ: 81TC Cụ thể: - Kiến thức cơ sở ngành: 25 - Kiến thức chuyên ngành: 33 - Kiến thức chuyên sâu và bổ trợ: 26 - Thực tập và TN: 10TC	thức giáo dục chuyên ngành. Số lượng tín chỉ ít hơn tập trung vào nhóm bổ trợ nên về cơ bản là tương đồng.
	Nội dung	Các học phần có tên gọi khác: Quản trị quá trình kinh doanh Quản trị hậu cần Quản trị đa văn hóa Quản trị văn phòng Kiểm soát Đổi mới và sáng tạo Tiêu chuẩn hóa Tái lập doanh nghiệp	Có các học phần khác: Kinh tế lượng Kinh tế phát triển Logistics Phần mềm QTKD Thương mại điện tử Quản trị rủi ro kinh doanh	Về cơ bản, số học phần giống nhau của hai chương trình chiếm từ 80-85% trong hai phần kiến thức đại cương và chuyên ngành. Tuy nhiên chương trình tham khảo có nhiều môn hơn nhưng nằm chủ yếu ở phần tự chọn.

Trường tham khảo	Tương thích về cấu trúc và nội dung	Chương trình tham khảo	Chương trình đào tạo QTKD -ULSA	Mức độ tương đồng
Đại học Thăng Long	Cấu trúc	Số lượng tín chỉ: 143 TC (không bao gồm GDTC và QPAN) Giáo dục đại cương: 46 TC Kiến thức giáo dục chuyên ngành bao gồm: Cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành, kiến thức bổ trợ: 93TC Cụ thể: - Kiến thức cơ sở ngành: 38 - Kiến thức chuyên ngành: 40 - Kiến thức bổ trợ: 10 Thực tập và TN: 9TC	Số lượng tín chỉ: 121 TC (không bao gồm GDTC và QPAN) Giáo dục đại cương: 40 TC Kiến thức giáo dục chuyên ngành bao gồm: Cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành, kiến thức bổ trợ: 81TC Cụ thể: - Kiến thức cơ sở ngành: 25 - Kiến thức chuyên ngành: 33 - Kiến thức chuyên sâu và bổ trợ: 26 Thực tập và TN: 10TC	Chương trình của trường ít hơn 14 TC. Trong đó ít hơn 6 TC giáo dục đại cương và 12 TC kiến thức giáo dục chuyên ngành. Số lượng tín chỉ ít hơn tập trung vào nhóm ngoại ngữ và các học phần tự chọn tự do nên về cơ bản là tương đồng.
	Nội dung	Các học phần có tên khác: Công dân số Khoa học môi trường Tiếng việt thực hành Tiếng Pháp Tiếng Trung Tiếng Ý Hành vi người tiêu dùng	Các học phần có tên khác: Luật kinh tế Quản trị sự thay đổi Phần mềm QTKD Kỹ năng ứng xử và phỏng vấn việc làm Công ty đa quốc gia và chiến lược kinh doanh toàn cầu	Trừ những học phần của trường tham khảo bổ sung về ngoại ngữ và các học phần bổ trợ thì số học phần giống nhau của hai chương trình chiếm

Trường tham khảo	Tương thích về cấu trúc và nội dung	Chương trình tham khảo	Chương trình đào tạo QTKD -ULSA	Mức độ tương đồng
		E-Marketing Âm thực Việt Nam Phương pháp hùng biện Hát-Nhạc Dinh dưỡng và tiết chế Bóng đá Nhảy hiện đại Ứng dụng Powerpoint		từ 85-90% trong hai phần kiến thức đại cương và chuyên ngành. Số lượng môn của chương trình tham khảo có nhiều môn hơn tập trung ở phần ngoại ngữ và kiến thức bổ trợ.

Bảng 2.10. Đối sánh chương trình đào tạo với các cơ sở đào tạo ngoài nước

TT	Nội dung so sánh	Giống nhau	Khác nhau	
			CTĐT QTKD của ULSA	CTĐT Hamton University
1	Mục tiêu đào tạo	Hướng tới việc đào tạo đội ngũ quản trị cấp trung và cấp cao trong tương lai thông qua việc đào tạo và cung cấp các kiến thức nền về kinh doanh và quản trị	Chương trình đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh nhằm đào tạo sinh viên có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững các kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, chính trị, an ninh quốc phòng và kiến thức nền tảng về quản lý và quản trị kinh doanh nhằm giúp người học có tư duy hệ thống logic, khả năng chuyển tải kiến thức thành những kỹ năng nghề nghiệp, tổ chức cá nhân, kỹ năng nghiên cứu, phân tích, phản biện và tư vấn chính sách, kỹ năng giao	The Bachelor of Science Degree in Business Administration is designed to prepare adult learners for future managerial positions and to provide continuing education experiences for current managers.

TT	Nội dung so sánh	Giống nhau	Khác nhau	
			CTĐT QTKD của ULSA	CTĐT Hamton University
			tiếp và thiết lập những mối quan hệ thành công trong các lĩnh vực quản lý và quản trị kinh doanh. Đồng thời, giúp người học xây dựng những phẩm chất cá nhân và đạo đức nghề nghiệp, có khả năng thiết kế, vận hành và quản lý các ý tưởng kinh doanh vào cuộc sống. Những mục tiêu chung này được chuyển tải cụ thể vào trong kết quả học tập mong đợi. Đồng thời có tư duy nghiên cứu độc lập, có năng lực tự bổ sung kiến thức và tiếp tục học tập nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu của công việc; có kỹ năng tin học,	

TT	Nội dung so sánh	Giống nhau	Khác nhau	
			CTĐT QTKD của ULSA	CTĐT Hamton University
			tiếng anh giao tiếp và chuyên môn thành thạo.	
2	Thời gian đào tạo	Cùng thời gian đào tạo	4 năm	4 năm
3	Chuẩn đầu ra	Có đạo đức nghề nghiệp, có các kỹ năng giải quyết vấn đề cũng như ra quyết định	1. Yêu cầu về kiến thức - Nhóm kiến thức về cơ sở lý luận chính trị, khoa học xã hội- tự nhiên và an ninh, quốc phòng: Vận dụng kiến thức cơ bản về lý luận chính trị Triết học Mác Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, CNXH khoa học, tư tưởng HCM và Lịch sử Đảng CSVN, hiểu biết về pháp luật Việt Nam vào phân tích và giải quyết các vấn đề liên quan đến môi trường hoạt động của doanh nghiệp và	Students are encouraged to develop a sound philosophy, a strong sense of ethics, and effective problem-solving and decision-making skills. (SV được khuyến khích phát triển một triết lý đúng đắn, một ý thức đạo đức mạnh mẽ và các kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định hiệu quả.)

TT	Nội dung so sánh	Giống nhau	Khác nhau	
			CTĐT QTKD của ULSA	CTĐT Hamton University
			ngành Quản trị kinh doanh trong thực tiễn. Vận dụng các kiến thức toán kinh tế, xác suất thống kê, kinh tế lượng, tin học, các nguyên lý cơ bản của kinh tế thị trường, tài chính tiền tệ và quản trị để giải thích và phân tích, phản biện các vấn đề về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Có kiến thức an ninh quốc phòng và kiến thức giáo dục thể chất để tự rèn luyện về thể chất. - Nhóm kiến thức về cơ sở ngành và ngành: Hiểu và vận dụng nguyên lý chung của hoạt động quản trị kinh doanh, bao gồm	

TT	Nội dung so sánh	Giống nhau	Khác nhau	
			CTĐT QTKD của ULSA	CTĐT Hamton University
			những kiến thức nền tảng về tài chính, kế toán, marketing, quản trị nhân sự, Logistics, Quản trị sản xuất. Nắm vững kiến thức và vận dụng kiến thức để lập một kế hoạch, dự án kinh doanh. Đồng thời hiểu biết về ngành và có thể đưa ra các ý kiến tư vấn, hỗ trợ quá trình ra quyết định của người quản lý.- Nhóm kiến thức chuyên sâu ngành Quản trị kinh doanh: Am hiểu và vận dụng trong thực tế các nguyên lý về hành vi người tiêu dùng, các nguyên lý của Quản trị, Lý thuyết về cạnh tranh, sản xuất, đầu tư và phân	

TT	Nội dung so sánh	Giống nhau	Khác nhau	
			CTĐT QTKD của ULSA	CTĐT Hamton University
			phối sản phẩm cũng như các kiến thức luật pháp trong kinh doanh và các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp. Có khả năng ứng dụng kiến thức để phản biện và xây dựng chiến lược kinh doanh, có khả năng ứng dụng kiến thức để hoạch định và tổ chức hoạt động kinh doanh. Có kiến thức và khả năng lập luận tư duy theo hệ thống và giải quyết các vấn đề Quản trị và Kinh doanh. 2. Yêu cầu về kỹ năng - Nhóm kỹ năng thực hành nghề nghiệp: Nắm vững và vận dụng được các kỹ năng quản trị như	

TT	Nội dung so sánh	Giống nhau	Khác nhau	
			CTĐT QTKD của ULSA	CTĐT Hamton University
			kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng xử lý tình huống kinh doanh, cũng như kỹ năng thích nghi với môi trường kinh doanh mới. Đồng thời thuần thục các kỹ năng kinh doanh như kỹ năng xây dựng và phát triển thị trường, quản lý bán hàng, tư vấn bán hàng, kỹ thuật xây dựng và phân tích quản trị dự án đầu tư. - Kỹ năng cá nhân: Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc nhóm và khả năng hình thành, phát triển và lãnh đạo nhóm để giải quyết hiệu quả công việc. Có đầy đủ	

TT	Nội dung so sánh	Giống nhau	Khác nhau	
			CTĐT QTKD của ULSA	CTĐT Hamton University
			kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy để giải quyết tốt các vấn đề trong thực tiễn. Có ngoại ngữ Tiếng anh TOEIC đạt 450 và có khả năng sử dụng ngoại ngữ hiệu quả trong công việc. Đồng thời người học có kỹ năng tìm kiếm thông tin, dữ liệu và khả năng xử lý số liệu thông qua các phần mềm chuyên dụng phục vụ cho công việc chuyên môn. 3. Yêu cầu về năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm Cử nhân ngành Quản trị kinh doanh có khả năng tự học tập, nghiên cứu, tích	

TT	Nội dung so sánh	Giống nhau	Khác nhau	
			CTĐT QTKD của ULSA	CTĐT Hamton University
			lũy kinh nghiệm để tiếp tục học cao hơn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau. Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, tôn trọng và chấp hành pháp luật, có ý thức tổ chức kỷ luật; có tinh thần hợp tác.	
4	Khối lượng kiến thức toàn khóa - Giáo dục đại cương - Giáo dục chuyên nghiệp	Số lượng tín chỉ toàn khóa là tương đương nhau. Việc phân bổ lộ trình đào tạo cũng có độ tương đồng	- Khối lượng kiến thức toàn khóa là 121, không kể GD thể chất và GD quốc phòng. - GD đại cương: 57 TC - GD chuyên nghiệp: 95 TC - Lựa chọn tự do: 6 TC	- Khối lượng kiến thức toàn khóa là 122 (năm 1: 36, năm 2: 36, năm 3: 27, năm 4: 27)
5	Đối tượng tuyển sinh	Đối tượng tuyển sinh giống nhau	Tốt nghiệp phổ thông trung học và tương đương	Tốt nghiệp phổ thông trung học

TT	Nội dung so sánh	Giống nhau	Khác nhau	
			CTĐT QTKD của ULSA	CTĐT Hamton University
6	Quy trình đào tạo	Đào tạo theo hệ thống tín chỉ; Tuân thủ văn bản pháp qui hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	Đào tạo theo hệ thống tín chỉ	Đào tạo theo hệ thống tín chỉ
7	Điều kiện tốt nghiệp		Hoàn thành chương trình đào tạo, đạt trình độ về ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra của trường	Minimum grade of "C" is required in all Major and all Related courses including cs00 201, ECON 200, ENGO 101-102 and COMO 103. A minimum grade of "C" is required in all transfer courses. Courses taken to meet General Education Requirements cannot also be
8	Cách thức đánh giá		- Điểm tổng kết học phần bao gồm điểm quá	Đánh giá theo thang chữ
9	Nội dung chương trình	Về cơ bản các nội dung chương trình đào tạo của	Có 11 HP giáo dục đại cương và 26 học phần	Có 13 HP giáo dục đại cương. Chuyên ngành

TT	Nội dung so sánh	Giống nhau	Khác nhau	
			CTĐT QTKD của ULSA	CTĐT Hamton University
		Hamton và của ULSA có sự tương đồng về kiến thức đại cương và kiến thức chuyên ngành. Chỉ có một số học phần khác biệt nhưng không có tác động nhiều đến chuẩn đầu ra của chương trình.	kiến thức cơ bản ngành và kiến thức cơ sở cốt lõi . Trong đó kiến thức chuyên sâu nâng cao và các kiến thức công cụ chiếm 11 học phần.	gồm 24 học phần được chia thành hai nhóm kiến thức cốt lõi về quản trị và kinh doanh. Có một số học phần khác biệt so với chương trình của ULSA: - Tài chính kinh doanh - Quản lý nguồn tài nguyên - Nguyên tắc của Marketing - Quản lý kinh doanh quốc tế

III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo này được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2020. Chương trình đào tạo được thực hiện theo kế hoạch giảng dạy của Nhà trường, khoa Quản trị kinh doanh.

Các học phần được phân công giảng dạy bởi các khoa quản lý học phần và được giảng dạy theo đề cương chi tiết học phần thống nhất đã được phê duyệt. Tất cả các hoạt động giảng dạy và đánh giá thực hiện phù hợp với đặc tả trong chương trình đào tạo.

Việc tổ chức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá học phần được thực hiện theo các quy chế đào tạo theo tín chỉ và các quy định có liên quan hiện hành của Trường Đại học Lao động – Xã hội.

Trường khoa Quản trị kinh doanh, Trường phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế chịu trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển đề cương chi tiết nhằm đảm bảo mục tiêu, nội dung và các yêu cầu được đáp ứng, đồng thời thỏa mãn được nhu cầu người học và xã hội. Dựa trên đề cương chi tiết học phần, Trường khoa đề xuất các điều kiện phục vụ cho công tác đào tạo về đội ngũ, trang thiết bị, quan hệ doanh nghiệp, thực tập.

Chương trình đào tạo được rà soát cập nhật mỗi năm (chính sách tuyển sinh, tài liệu học tập, cải tiến phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá) và rà soát 02 năm một lần (điều chỉnh thay đổi số lượng tín chỉ, thêm hoặc bớt học phần) để đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Hà Xuân Hùng